

PHIẾU PHÂN BỐ DỰ TOÁN

Nội dung phân bổ: V/v cấp bổ sung kinh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021-Kinh phí để thực hiện chế độ đặt thù trong phòng, chống dịch COVID-19 (đợt 2)

Nguồn Kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí phòng, chống dịch, dự toán ngân sách tỉnh năm 2021

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Cấp dự toán	Quyết định/ Thông báo giao dự toán		Mã loại dự toán	TKKT	Mã cấp NS	Mã ĐVQHNS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA và HTCT	Mã KBNN	Mã nguồn NSNN	Số tiền		Số lô bút toán, số ID, Số giao dịch Dossier
			Số	Ngày										Nợ	Có	
I	Chi đầu tư phát															
I	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	Cấp 0														
		Cấp 1														
		Cấp 4 (Dự toán)														
		Cấp 4 (Lệnh chi tiền)														
II	Chi thường xuyên	Cấp 0														
		Cấp 1			01	9253	2	1049934	423	130	99999	2811	29		208.945.000	
		Cấp 4 (Dự toán tự chủ)						/								
		Cấp 4 (Dự toán không tự chủ)	1109/QĐ-SYT	30/06/2021	01	9527	2	1017339	423	132	00000	2811	12	208.945.000		
		Cấp 4 (LCT tự chủ)														
		Cấp 4 (LCT không tự chủ)														
....																
...	...	...														

Hà long, ngày 5 tháng 7 năm 2021

CQ tài chính ghi sổ ngày 11 tháng 7 năm 2021

Người lập

Kiểm soát

Thủ trưởng đơn vị (5)

Người nhập

Kiểm soát

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thành Trung

04

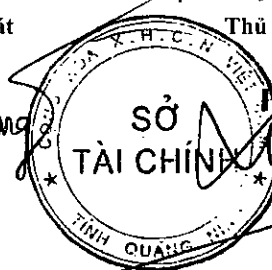


GIÁM ĐỐC

Trịnh Văn Mạnh

1/1

hang

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Vũ Đình Xứng

Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạ long, ngày 5 tháng 7 năm 2021

**THUYẾT MINH CHI TIẾT PHÂN KINH PHÍ KHÔNG TỰ CHỦ THEO NỘI DUNG,
NHIỆM VỤ CHI ĐƯỢC CẤP CỐ THẨM QUYỀN GIAO NĂM 2020**

(PL3 kèm theo mẫu C 06-03/NS)

Nội dung phân bổ: V/v cấp bổ sung kinh phí để thực hiện chế độ đặt thù trong phòng, chống dịch COVID-19

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Nhiệm vụ A:	208.945.000	
1	Hỗ trợ tiền ăn cho người bị áp dụng biện pháp cách ly	38.080.000	
2	Hỗ trợ sinh hoạt thiết yếu cho người bị áp dụng biện pháp cách ly		
3	Hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh đối với trường hợp người bị áp dụng biện pháp cách ly	9.755.000	
4	Phụ cấp chống dịch	67.100.000	
5	Phụ cấp thường trực 24/24	72.410.000	
6	Hỗ trợ tiền ăn cho người cho người được huy động, phân công tham gia phòng chống dịch phục vụ cách ly	21.600.000	
2	Nhiệm vụ B		
	Tổng số	208.945.000	

Tổng số tiền (Bằng chữ): Hai trăm linh tám triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng

Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Kế toán

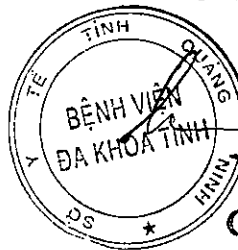
(ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Vinh

Nguyễn Thị Vinh

Thủ trưởng

(ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Trịnh Văn Mạnh

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 – Kinh phí thực hiện chế độ đặc thù trong phòng chống dịch Covid 19 (đợt 2)

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật ngân sách số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Y tế Quảng Ninh; Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 về sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND;

Căn cứ Quyết định số 2035/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc cấp bổ sung kinh phí cho Sở Y tế để thực hiện chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid 19 (Đợt 2 từ 01/02/2021 đến ngày 30/4/2021),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 cho các đơn vị trực thuộc thực hiện chế độ đặc thù trong phòng chống dịch Covid 19 (đợt 2) năm 2021 (từ 01/02/2021 đến ngày 30/4/2021).

Số tiền: **9.519.368.000 đồng** (Chi tiết theo phụ lục gửi kèm).

Nguồn kinh phí: Nguồn kinh phí phòng chống dịch, dự toán ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2021.

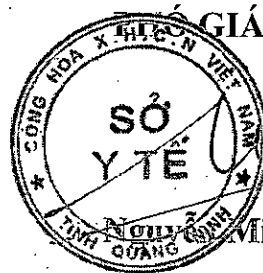
Điều 2. Căn cứ dự toán thu chi ngân sách nhà nước được giao, Các đơn vị thực hiện nhập Tabmis 03 bản và thực hiện chi trả các chế độ đặc thù theo đúng hướng dẫn của Sở Tài chính và Nghị quyết 245/2020/NQ-HĐND ngày 31/3/2020 của HĐND Tỉnh; Nghị quyết 37/NQ-CP; Nghị quyết 16/NQ-CP. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về quy trình, đối tượng, thủ tục thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Các Ông (bà): Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính; Chánh văn phòng Sở và Thủ trưởng đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- Công TTĐT SYT (C/khai)
- Sở Tài chính;
- KBNN giao dịch;
- Lưu: VT, KHTC5.

Minh Tuấn

KT. GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC

Minh Tuấn

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID THEO NGHỊ QUYẾT 37/NQ-CP VÀ NGHỊ QUYẾT 245/NQ-CP VÀ NQ 16 THÁNG 2,3,4 NĂM 2021

TT	Cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện chi	Tổng kinh phí (nghìn đồng)	Hỗ trợ tiền ăn cho người bị áp dụng biện pháp cách ly			Hỗ trợ sinh hoạt thiết yếu khác cho người bị áp dụng biện pháp cách ly (40.000/ngày)			Chi phí khám, chữa bệnh khác đối với trường hợp người bị áp dụng biện pháp cách ly			Phụ cấp chống dịch			Phụ cấp thường trực 24/24 giờ (bao gồm cả PC cho người làm việc Chốt KSLN)			Phụ cấp thường trực 24/24 theo QĐ 73 theo mục 3 điều 4 NO 16		Hỗ trợ tiền ăn cho người được lưu động, phân công tham gia phòng chống dịch, phục vụ cách ly			Chi khác (Chi tiết PL 2)
			Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hỗ trợ đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hỗ trợ đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Số người	Tổng chi phí KCB (nghìn đồng)	NSNN hỗ trợ (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hưởng phụ cấp đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hưởng phụ cấp đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	Số người	Số tiền (nghìn đồng)	Tổng số người đến thời điểm báo cáo (người)	Tổng số ngày hưởng phụ cấp đến thời điểm báo cáo (ngày)	Số tiền (nghìn đồng)	
	Tổng cộng:	9.519.368	374	2.656	215.660	262	3.833	94.856	123	22.331	196.162	1.462	23.101	6.080.350	593	6.363	827.190	84	60.743	692	11.719	924.250	1.120.157
1	TTYT Móng Cái (bv số 1)	929.350	44	306	24.060	44	1.002	13.253	52	0	129.622	160	1.856	448.150	51	234	30.420			61	2.148	158.590	125.255
2	Bệnh viện Phổi (bv số 2)	2.164.153	0	0	0	0	0	0	0	0	0	213	6.562	1.594.400	2	25	3.250	84	60.743	176	6.322	505.760	
3	TT kiểm soát bệnh tật	521.730										42	1.196	345.450	50	1.356	176.280						
4	Bệnh viện ĐK tỉnh	208.945	119	476	38.080	0	0	0	26	0	9.755	56	267	67.100	156	557	72.410			14	270	21.600	
5	BV ĐKKV Cẩm Phả	388.118										36	569	147.200	41	241	31.330			41	91	7.280	202.308
6	BV ĐK Cẩm Phả	87.930										36	120	36.000	32	373	48.490			23	43	3.440	
7	BVĐK Hạ Long	511.751	149	1.136	95.440	150	1.971	47.203				146	951	197.900	0	0	0			39	292	23.340	147.868
8	TTYT Đầm Hà	126.863										24	87	70.650	16	266	34.580			16	20	1.600	20.033
9	TTYT Tiên Yên	87.480										9	88	19.000	26	496	64.480			26	50	4.000	
10	TTYT Ba Chẽ	72.290				0	0	0				4	134	36.800	27	169	21.970			6	169	13.520	
11	TTYT Bình Liêu	84.190										10	41	47.800	23	267	34.710			17	21	1.680	
12	TTYT Vân Đồn	394.343	1	5	400	1	5	200	1	0	563	17	196	275.900	45	696	90.480			33	335	26.800	
13	TTYT Cô Tô	17.330										8	26	5.200	4	89	11.570			4	7	560	
14	TTYT Hạ Long	214.320										81	713	169.000	37	332	43.160			14	27	2.160	
15	TTYT Uông Bí	106.970										31	311	63.150	17	326	42.380			17	18	1.440	
16	TTYT Quảng Yên	118.000										28	430	118.000	0	0	0						
17	TT YT Đông Triều	2.715.235	49	542	43.360	67	855	34.200	43		44.514	285	7.100	1.882.550	0	0	0			91	1.427	114.160	596.451
19	TT vận chuyển cấp cứu	123.190										18	665	99.750	18	144	18.720			18	59	4.720	
20	TTYT Cẩm Phả	131.930										18	200	54.000	32	565	73.450			32	56	4.480	
21	TTYT Hải Hà	114.912										24	237	54.200	16	227	29.510			14	37	2.960	28.242
22	Bệnh viện Sản Nhi	265.038	12	191	14.320				1	22.331	11.708	114	901	212.850	0	0	0			50	327	26.160	



Người ký: Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
Ngày ký: 28/07/2021 18:39:19
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh
Nội dung: Đã hoàn thành thanh toán

Mẫu số 16a1
Ký hiệu C2-02a/NS

Số: .DT54/ 210723_1017339_2811005
Năm NS: 2021

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Thực chi ☒

Tạm ứng ☐

Chuyển khoản ☒

Tiền mặt tại KB ☐

Tiền mặt tại NH ☐

Đơn vị rút dự toán: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Tài khoản: 9527.2.1017339

Tại KBNN: VP KBNN Quảng Ninh

Tên CTMT, DA:

Mã CTMT, DA:

Số CKC, HDK:

Số CKC, HDTH:

Nội dung thanh toán	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Rút dự toán chi tiền phụ cấp chống dịch tháng 02+03+04/2021	6114	423	132	12	67.100.000
Rút dự toán chi tiền phụ cấp thường trực tháng 02+03+04/2021	6114	423	132	12	72.410.000
Rút dự toán chi tiền hỗ trợ tiền ăn cho người được huy động, phân công tham gia phòng chống dịch phục vụ cách ly tháng 02+03+04/2021	7799	423	132	12	21.600.000
Tổng cộng					161.110.000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Một trăm sáu mươi một triệu một trăm mười nghìn đồng chẵn./.

Đơn vị nhận tiền: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Địa chỉ: P. Bạch Đằng - TP Hạ long - QN

Tài khoản: 440280701009

Tại KBNN (NH): Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Quảng Ninh

Hoặc người nhận tiền:

Số CMND:

Cấp ngày:

Nơi cấp:

PHẦN KBNN GHI

Nợ TK:

Có TK:

Nợ TK:

Có TK:

Nợ TK:

Có TK:

Mã ĐBHC:

Ngày...tháng...năm ...

Người nhận tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 23 tháng 07 năm 2021

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Người ký: Nguyễn Thị Vinh
Ngày ký: 23/07/2021 18:23:38
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Thị Vinh

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Người ký: Trịnh Văn Mạnh
Ngày ký: 23/07/2021 14:55:30
Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Trịnh Văn Mạnh

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Ngày 26 tháng 07 năm 2021

Thủ quỹ

Kế toán

Kế toán trưởng

Người ký: Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
Ngày ký: 26/07/2021 18:04:23
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Giám đốc

Người ký: Nguyễn Thị Tuyết Minh
Ngày ký: 26/07/2021 08:51:35
Chức danh: Phó giám đốc
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh

Nguyễn Thị Tuyết Minh

Mẫu số 07

Mã hiệu:.....

Số: M01/ 210723_1017339_2811006

BẢNG KÊ NỘI DUNG THANH TOÁN/TẠM ỨNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán, Ủy nhiệm chi, Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng số: 210723_1017339_2811005 Năm Ngân sách)

Đơn vị sử dụng Ngân sách: Bệnh viện đa khoa
tỉnh Quảng Ninh
Mã đơn vị: 1017339
Mã nguồn: 01
Mã CTMTQG, Dự án ODA:

Thanh toán trực tiếp ☒
Tạm ứng ☐
Thu hồi tạm ứng ☐

STT	Hóa đơn		Chứng từ		Mã NDKT	Nội dung chi	Số tiền			
	Số	Ngày/tháng/năm	Số	Ngày/tháng/năm			Số lượng	Định mức	Đơn giá thực tế	Thành tiền
1			.DT54	23/07/2021	6114	Rút dự toán chi tiền phụ cấp chống dịch tháng 02+03+04/2021			0	67.100.000
2			.DT54	23/07/2021	6114	Rút dự toán chi tiền phụ cấp thường trực tháng 02+03+04/2021			0	72.410.000
3			.DT54	23/07/2021	7799	Rút dự toán chi tiền hỗ trợ tiền ăn cho người được huy động, phân công tham gia phòng chống dịch phục vụ cách ly tháng 02+03+04/2021			0	21.600.000
Tổng cộng số tiền bằng số:										161.110.000

Tổng số tiền viết bằng chữ: Một trăm sáu mươi một triệu một trăm mười nghìn đồng chẵn./.

Trong đó: Số thu hồi tạm ứng.....Số thanh toán :Một trăm sáu mươi một triệu một trăm mười nghìn đồng chẵn./.

Kế toán trưởng

Người ký: Nguyễn Thị Vinh
Ngày ký: 23/07/2021 13:23:38
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Thị Vinh

Ngày 23 tháng 07 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

Người ký: Trịnh Văn Mạnh
Ngày ký: 23/07/2021 14:56:30
Chức danh: Chủ tịch/Khoản
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Trịnh Văn Mạnh

Số: 1570/QĐ-BVT

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chi hỗ trợ phụ cấp trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19 đối với Cán bộ Y tế – người lao động tham gia thường trực phòng chống dịch bệnh trong tháng 02+tháng 3+tháng 4 năm 2021

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính Phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 29/3/2020 của Chính Phủ quy định về một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID – 19;

Căn Cứ Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ Tướng Chính Phủ về quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch;

Căn cứ Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh Quy định mức chi phục vụ cách ly Y tế phục vụ phòng, chống dịch Covid – 19;

Căn cứ văn bản số 1427/STC-QLNS ngày 03/4/2020 của Sở tài chính tỉnh Quảng Ninh về việc hướng dẫn chế độ đặc thù và cá chi phí khác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19;

Xét Nghị quyết cuộc họp ngày 09/4/2020 của Ban chỉ đạo Phòng, chống dịch viêm phổi cấp do chủng mới của Virus Cororona của Bệnh viện đa khoa tỉnh.

Căn cứ Công văn số 704/SYT-NVY ngày 22/2/2021 của Sở Y tế về việc kiện toàn BCD, kế hoạch và phương án đảm bảo an toàn phòng chống dịch Covid – 19;

Căn cứ quyết định số 260/QĐ-BVT ngày 25/2/2021 của Bệnh viện về kiện toàn Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh Covid – 19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chi hỗ trợ phụ cấp trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19 đối với Cán bộ Y tế – người lao động tham gia thường trực phòng chống dịch bệnh trong tháng 02+tháng 3+tháng 4 năm 2021. Cụ thể như sau:

- Tháng 02: 55.880.000 đồng

Số người hưởng PC: 118 người

Số ngày : 348 ngày

- Tháng 3: 22.550.000 đồng

Số người hưởng PC: 41 người

Số ngày : 195 ngày

- Tháng 04: 15.580.000 đồng

Số người hưởng PC: 26 người

Số ngày : 121 ngày

Điều 2. Tổng số tiền chi: 94.010.000 đồng.

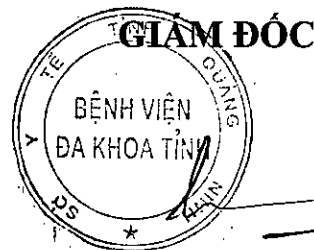
(Bằng chữ: Chín mươi tư triệu không trăm mười nghìn đồng chẵn)

Nguồn chi được trích từ nguồn thu dự toán chống dịch Covid – 19
năm 2021 (Ngân sách nhà nước)

Điều 3. Các Ông (bà) trưởng các phòng: TCCB, TCKT, KHTH, Ban Chỉ đạo phòng chống dịch và các ông bà có tên trong danh sách căn cứ quyết định thi hành./Hư

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TCCB.



Trịnh Văn Mạnh

Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 245/2020/NQ-HĐND

Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho người tham gia thường trực chống dịch 24/24h

Từ 1/2 đến 7/2/2021

ĐVT: đồng

ĐƠN VỊ	STT	Tên cá nhân	Mức hỗ trợ		Từ ngày (mm/dd/yy)	Từ ngày (mm/dd/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
			Phụ cấp thường trực (130.000đ/ngày)	Tiền ăn (80.000đ /phiên trực)						
	1	2	3	4	5	6	7=6-5	8=(3+4)*7	9	10
		Tổng cộng (I+II)								
	I	Mức phụ cấp thường trực chống dịch 24/24h	130000	80000					QĐ 139/QĐ-BVT ngày 03/02/2020; QĐ 414/QĐ-BVT ngày 27/3/2020;	
	KHU VỰC CÁCH LY									
BNĐ	1	Phạm Văn Ngà	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	3	630.000		
BNĐ	2	Đinh Thị Hải Hà	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	4	840.000		
BNĐ	3	Đặng Thị Lan Anh	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	1	210.000		
BNĐ	4	Bùi Trung Hậu	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	1	210.000		
BNĐ	5	Lê Thị Minh Hằng	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	1	210.000		
BNĐ	6	Đào Thị Thu Hương	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	1	210.000		
BNĐ	7	Phạm Thị Anh Tuyết	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	1	210.000		
BNĐ	8	Đặng Thị Nguyệt	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	1	210.000		
BNĐ	9	Trần Mạnh Cường	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	1	210.000		
BNĐ	10	Phạm Thị Bông	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	1	210.000		
	KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH									
CDHA	11	Nguyễn Văn Mạnh	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	6	1.260.000		
CDHA	12	Nguyễn Việt Khang	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	1	210.000		
CDHA	13	Hoàng Hữu Tuấn	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	4	840.000		
	TRỰC LÃNH ĐẠO BAN CHỐNG DỊCH COVID									

ĐƠN VỊ	STT	Tên cá nhân	Mức hỗ trợ		Từ ngày (mm/dd/yy)	Từ ngày (mm/dd/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
			Phụ cấp thường trực (130.000đ/ngày)	Tiền ăn (80.000đ /phiên trực)						
GĐBV	14	Trịnh Văn Mạnh	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	1	210.000		
PGĐ	15	Nguyễn Huy Tiến	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	2	420.000		
PGĐ	16	Vũ Anh Tuấn	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	2	420.000		
KHTH	17	Bùi Thị Nguyệt Ánh	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	2	420.000		
	HẬU CẦN							-		
TT-HCQT	18	Nguyễn Thiên Mừng	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	4	840.000		
TT-HCQT	19	Bùi Hữu Hùng	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	3	630.000		
TT-HCQT	20	Bùi Đức Toàn	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	1	210.000		
TT-HCQT	21	Chu Minh Tuấn	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	1	210.000		
KHTH	22	Phạm Quang Huy	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	2	420.000		
KHTH	23	Nguyễn Thị Hoàng Yến	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	1	210.000		
KHTH	24	Nguyễn Thị Hải Yến	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	2	420.000		
KHTH	25	Phạm Thị Phương Thùy	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	2	420.000		
KHTH	26	Đặng Thị Ánh Tuyết	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	2	420.000		
KHTH	27	Nguyễn Thị Thu Phương	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	2	420.000		
KHTH	28	Nguyễn Thị Anh Trang	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	3	630.000		
	KHOA VI SINH							-		
VI SINH	29	Lê Thùy Mai	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	6	1.260.000		
VI SINH	30	Phạm Thảo Uyên	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	4	840.000		
VI SINH	31	Trần Văn Tùng	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	5	1.050.000		
VI SINH	32	Vũ Thùy Trang	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	5	1.050.000		
VI SINH	33	Vũ Thị Mận	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	3	630.000		
VI SINH	34	Vũ Thùy Dung	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	2	420.000		
VI SINH	35	Nguyễn Thị Thương	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	3	630.000		
VI SINH	36	Nguyễn Thị Kim Oanh	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	5	1.050.000		
VI SINH	37	Dương Thị Hoài	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	2	420.000		
VI SINH	38	Đào Thị Thùy	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	2	420.000		
VI SINH	39	Đỗ Thị Nhung	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	2	420.000		
VI SINH	40	Nguyễn Thị Mai Nga	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	5	1.050.000		

TIN.

NH
HOC

ĐƠN VỊ	STT	Tên cá nhân	Mức hỗ trợ		Từ ngày (mm/dd/yy)	Từ ngày (mm/dd/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
			Phụ cấp thường trực (130.000đ/ngày)	Tiền ăn (80.000đ /phiên trực)						
VI SINH	41	Đoàn Thị Thùy Ninh	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	5	1.050.000		
VI SINH	42	Đào Thị Thu Hoài	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	5	1.050.000		
VI SINH	43	Vũ Thị Hồng Yến	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	5	1.050.000		
VI SINH	44	Hoàng Thị Thu Trang	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	7	1.470.000		
VI SINH	45	Vũ Nguyệt Hòa	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	2	420.000		
VI SINH	46	Lê Đăng Giang	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	2	420.000		
VI SINH	47	Đỗ Quang Thế	130000	80000	1/02/2021	7/2/2021	5	1.050.000		
KHOA LÂM SÀNG (XN COVID)								-		
Nội TH	50	Phạm Văn Thanh	130.000	80.000	1/02/2021	7/2/2021	3	630.000		
Nội TH	51	Hoàng Thị Giang	130.000	80.000	1/02/2021	7/2/2021	3	630.000		
LK	52	Nguyễn Thị Nha Trang	130.000	80.000	1/02/2021	7/2/2021	1	210.000		
LK	53	Vũ Thị Vân Anh	130.000	80.000	1/02/2021	7/2/2021	1	210.000		
LK	54	Nguyễn Thị Bích Liên	130.000	80.000	1/02/2021	7/2/2021	1	210.000		
LK	55	Nguyễn Thị Cường	130.000	80.000	1/02/2021	7/2/2021	1	210.000		
PHÒNG KHÁM SÀNG LỌC								-		
HH	56	Trần Mạnh Vũ	130.000	80.000	1/02/2021	7/2/2021	2	420.000		
Nội TH	57	Nguyễn Thị Huyền	130.000	80.000	1/02/2021	7/2/2021	2	420.000		
Nội TH	58	Trần Anh Tuyền	130.000	80.000	1/02/2021	7/2/2021	1	210.000		
TM	59	Hỷ Thị Lan	130.000	80.000	1/02/2021	7/2/2021	2	420.000		
LK	60	Kiều Văn Anh	130.000	80.000	1/02/2021	7/2/2021	1	210.000		
KKB	61	Vũ Thị Hương	130.000	80.000	1/02/2021	7/2/2021	1	210.000		
TMH	62	Nguyễn Bình Duy	130.000	80.000	1/02/2021	7/2/2021	1	210.000		
KKB	63	Vũ Thị Hồng Yến	130.000	80.000	1/02/2021	7/2/2021	1	210.000		
PKCS2	64	Nguyễn Thị Thu Trang	130.000	80.000	1/02/2021	7/2/2021	1	210.000		
PHCN	65	Loan Như Tuyên	130.000	80.000	1/02/2021	7/2/2021	1	210.000		
YHCT	66	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	130.000	80.000	1/02/2021	7/2/2021	1	210.000		
MẮT	67	Đặng Duy Linh	130.000	80.000	1/02/2021	7/2/2021	1	210.000		
KKBTYC	68	Nguyễn Xuân Hùng	130.000	80.000	1/02/2021	7/2/2021	1	210.000		
KKB	69	Hoàng Hà My	130.000	80.000	1/02/2021	7/2/2021	1	210.000		

ĐƠN VỊ	STT	Tên cá nhân	Mức hỗ trợ		Từ ngày (mm/dd/yy)	Từ ngày (mm/dd/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
			Phụ cấp thường trực (130.000đ/ngày)	Tiền ăn (80.000đ /phiên trực)						
PHCN	70	Nguyễn Diệp Linh	130.000	80.000	1/02/2021	7/2/2021	1	210.000		
KKB	71	Phạm Quốc Huy	130.000	80.000	1/02/2021	7/2/2021	1	210.000		
KKB	72	Vũ Thị Hải Yến	130.000	80.000	1/02/2021	7/2/2021	3	630.000		
		Cộng:					163	34.230.000		

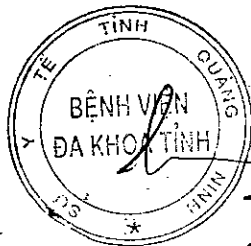
DUYỆT LÃNH ĐẠO

PHÒNG TCKT

PHÒNG TCCB

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

NGƯỜI LẬP BIỂU



GIÁM ĐỐC
Trịnh Văn Mạnh

Nguyễn Thị Vũ

Bs. Hoàng Quỳnh Hoa

Bác Sĩ Nguyễn Hải Yến

Đặng Thị Ánh Tuyết



DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP
Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho người tham gia thường trực chống dịch 24/24h và hỗ trợ tiền ăn

TỪ 8/ 2/2021 ĐẾN 28/2/2021

DVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị	Mức hỗ trợ		Mức bồi dưỡng cho BCD phòng, chống dịch (100.000đ/ngày)	Từ ngày (mm/dd/y)	Đến ngày (mm/dd/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm	Ghi chú
				Phụ cấp thường trực (130.000đ/ngày)	Tiền ăn (80.000đ /phiên trực)							
1	2			3	4		5	6	7=6-5	8=(3+4)*7	9	10
I	Tổng cộng (I+II)											
	Mức phụ cấp thường trực chống dịch 24/24h											
	PHÒNG KHÁM SÀNG LỌC											
1	Trần Mạnh Vũ	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	HHNN	130.000			8/2/2021	28/2/2021	6	780.000		
2	Nguyễn Thị Hằng		TM	130.000			8/2/2021	28/2/2021	3	390.000		
3	Ngô Văn Kiên		TM	130.000			8/2/2021	28/2/2021	3	390.000		
4	Nguyễn Thị Huyền		NỘI TH	130.000			8/2/2021	28/2/2021	5	650.000		
5	Trần Anh Tuyền		NỘI TH	130.000			8/2/2021	28/2/2021	4	520.000		
6	Vũ Thị Hương Ngân		NHI	130.000			8/2/2021	28/2/2021	1	130.000		
7	Kiều Vân Anh		LK	130.000			8/2/2021	28/2/2021	3	390.000		
8	Vũ Thị Hương		KKB	130.000			8/2/2021	28/2/2021	4	520.000		
9	Nguyễn Bình Duy		TMH	130.000			8/2/2021	28/2/2021	4	520.000		

10	Loan Như Tuyên	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	PHCN	130.000			8/2/2021	28/2/2021	3	390.000		
11	Nguyễn Thị Ngọc Diệp		YHCT	130.000			8/2/2021	28/2/2021	2	260.000		
12	Nguyễn Thị Bích Nga		PK CS2	130.000			8/2/2021	28/2/2021	2	260.000		
13	Hoàng Hà My		KKB	130.000			8/2/2021	28/2/2021	3	390.000		
14	Đặng Duy Linh		MẮT	130.000			8/2/2021	28/2/2021	1	130.000		
15	Nguyễn Xuân Hùng		KKBTY C	130.000			8/2/2021	28/2/2021	1	130.000		
16	Lê Đức Tuấn		MẮT	130.000			8/2/2021	28/2/2021	1	130.000		
17	Nguyễn Diệp Linh		PHCN	130.000			8/2/2021	28/2/2021	1	130.000		
18	Phạm Quốc Huy		GMHS	130.000			8/2/2021	28/2/2021	3	390.000		
19	Lâm Tuấn Quỳnh		MẮT	130.000			8/2/2021	28/2/2021	2	260.000		
20	Nguyễn Thị Mai		PKCS2	130.000			8/2/2021	28/2/2021	3	390.000		
21	Vũ Thị Hải Yến		KKB	130.000			8/2/2021	28/2/2021	8	1.040.000		
KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH										-		
22	Nguyễn Văn Mạnh	KTV CDHA	CDHA	130.000			8/2/2021	28/2/2021	1	130.000		
23	Nguyễn Việt Khang	KTV CDHA	CDHA	130.000			8/2/2021	28/2/2021	6	780.000		
24	Hoàng Hữu Tuấn	KTV CDHA	CDHA	130.000			8/2/2021	28/2/2021	3	390.000		
TRỰC GIÁM SÁT THÔNG TIN, ĐIỀU TRA DỊCH TỄ BÁO CÁO TÌNH HÌNH COVID VÀ HẬU CẢN										-		
25	Phạm Quang Huy	trực giám sát, truy vết	PPKHT H	130.000			8/2/2021	28/2/2021	6	780.000		
26	Nguyễn Thị Hoàng Yến	Trực thông tin, điều tra dịch tễ,	KHTH	130.000			8/2/2021	28/2/2021	3	390.000		
27	Nguyễn Thị Hải Yến		KHTH	130.000			8/2/2021	28/2/2021	1	130.000		
28	Phạm Thị Phương Thủy		KHTH	130.000			8/2/2021	28/2/2021	4	520.000		

29	Đặng Thị Ánh Tuyết	và báo cáo, cập nhật tình hình COVID	KHTH	130.000			8/2/2021	28/2/2021	8	1.040.000		
30	Nguyễn Thị Anh Trang		KHTH	130.000			8/2/2021	28/2/2021	6	780.000		
31	Nguyễn Thị Thu Phương		KHTH	130.000			8/2/2021	28/2/2021	7	910.000		
32	Nguyễn Thiên Mừng	Trực BV	HCQT	130.000			8/2/2021	28/2/2021	11	1.430.000		
33	Bùi Hữu Hùng		HCQT	130.000			8/2/2021	28/2/2021	10	1.300.000		
34	Bùi Đức Toàn	Trực Lái xe vận chuyển người bệnh	HCQT	130.000			8/2/2021	28/2/2021	5	650.000		
35	Chu Minh Tuấn		HCQT	130.000			8/2/2021	28/2/2021	3	390.000		
	Cộng I								137	17.810.000		
II	Hỗ trợ tiền ăn (Mục 5 điều 2 NQ 16)											
1	Đinh Thị Hải Hà	khám, chuẩn đoán, điều trị người nghi mắc covid tại khu vực cách ly bệnh viện	BNĐ		80.000		8/2/2021	28/2/2021	11	880.000		
2	Phạm Văn Ngà		BNĐ		80.000		8/2/2021	28/2/2021	10	800.000		
3	Đặng Thị Lan Anh		BNĐ		80.000		8/2/2021	28/2/2021	3	240.000		
4	Bùi Trung Hậu		BNĐ		80.000		8/2/2021	28/2/2021	3	240.000		
5	Phạm Thị Ánh Tuyết		BNĐ		80.000		8/2/2021	28/2/2021	2	160.000		
6	Đặng Thị Nguyệt		BNĐ		80.000		8/2/2021	28/2/2021	2	160.000		
7	Trần Mạnh Cường		BNĐ		80.000		8/2/2021	28/2/2021	2	160.000		
8	Vương Thị Lò		BNĐ		80.000		8/2/2021	28/2/2021	4	320.000		
9	Lê Thị Minh Hằng		BNĐ		80.000		8/2/2021	28/2/2021	2	160.000		
10	Đào Thị Thu Hương		BNĐ		80.000		8/2/2021	28/2/2021	3	240.000		
11	Phạm Thị Bông	tác nhân gây bệnh...	K BNĐ		80.000		8/2/2021	28/2/2021	6	480.000		
	Cộng II								48	3.840.000		
	Cộng I + II									21.650.000		

DUYỆT LÃNH ĐẠO

GIÁM ĐỐC

Trịnh Văn Mạnh

PHÒNG TCKT

PHÒNG TCCB

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

NGƯỜI LẬP BIỂU

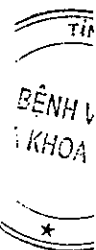
DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP
Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho người tham gia thường trực chống dịch 24/24h và hỗ trợ tiền ăn

Tháng 3/2021

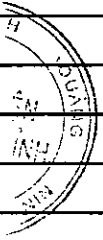
ĐVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị	Mức hỗ trợ		Từ ngày (mm/dd/y)	Đến ngày (mm/dd/y)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
				Phụ cấp thường trực (130.000đ/ ngày)	Tiền ăn (80.000đ /phiên trực)						
1	2			3	4	5	6	7=6-5	8=(3+4)*7	9	10
	Tổng cộng (I+II)										
I	Mức phụ cấp thường trực chống dịch 24/24h									Gửi kèm tài liệu	
	PHÒNG KHÁM SÀNG LỌC										
1	Trần Nhật Toán	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	HHNN	130.000		01/3/2021	31/3/2021	9	1.170.000		
2	Nguyễn Thị Hằng		TM	130.000		01/3/2021	31/3/2021	5,5	715.000		
3	Nguyễn Thị Huyền		NỘI TH	130.000		01/3/2021	31/3/2021	1,5	195.000		
4	Nguyễn Trung Kiên		NỘI TH	130.000		01/3/2021	31/3/2021	5	650.000		
5	Trần Anh Tuyền		NỘI TH	130.000		01/3/2021	31/3/2021	7,5	975.000		
6	Hoàng Hà My		KKB	130.000		01/3/2021	31/3/2021	1,5	195.000		
7	Phạm Thị Huyền		PHCN	130.000		01/3/2021	31/3/2021	0,5	65.000		
8	Lê Đức Tuấn		MÁT	130.000		01/3/2021	31/3/2021	1	130.000		
9	Nguyễn Diệp Linh		PHCN	130.000		01/3/2021	31/3/2021	2,5	325.000		

10	Vũ Văn Minh	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	GMHS	130.000		01/3/2021	31/3/2021	2	260.000		
11	Lài Thị Thu		PKCS 2	130.000		01/3/2021	31/3/2021	2,5	325.000		
12	Nguyễn Văn Doanh		Nhi	130.000		01/3/2021	31/3/2021	1	130.000		
13	Lâm Tuấn Quỳnh		MẮT	130.000		01/3/2021	31/3/2021	2	260.000		
14	Phạm Thị Huyền		PHCN	130.000		01/3/2021	31/3/2021	1	130.000		
15	Hà Thị Tuyền		TMH	130.000		01/3/2021	31/3/2021	1,5	195.000		
16	Phạm Thị Mỹ Linh		KKB	130.000		01/3/2021	31/3/2021	2,5	325.000		
17	Kiều Vân Anh		LH	130.000		01/3/2021	31/3/2021	2,5	325.000		
18	Loan Như Tuyền		PHCN	130.000		01/3/2021	31/3/2021	1	130.000		
19	Nguyễn Thị Ngọc Diệp		YHCT	130.000		01/3/2021	31/3/2021	2	260.000		
20	Vũ Thị Hải Yến		KKB	130.000		01/3/2021	31/3/2021	14	1.820.000		
KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH											
21	Phạm Văn Thường	KTV CĐHA	CĐHA	130.000		01/3/2021	31/3/2021	3	390.000		
22	Phạm Quang Tuấn Anh	KTV CĐHA	CĐHA	130.000		01/3/2021	31/3/2021	3	390.000		
TRỰC GIÁM SÁT THÔNG TIN, ĐIỀU TRA DỊCH TỄ BÁO CÁO TÌNH HÌNH COVID VÀ HẬU CẦN											
23	Đặng Thị Ánh Tuyết	trực thông tin, điều tra dịch tễ, và báo cáo, cập nhật tình hình COVID	KHTH	130.000		01/3/2021	31/3/2021	10	1.300.000		
24	Nguyễn Thị Anh Trang		KHTH	130.000		01/3/2021	31/3/2021	11	1.430.000		
25	Nguyễn Thị Thu Phương		KHTH	130.000		01/3/2021	31/3/2021	10	1.300.000		
26	Nguyễn Văn Vượng	Trực BV	HCQT	130.000		01/3/2021	31/3/2021	16	2.080.000		
27	Lục Văn Tiến		HCQT	130.000		01/3/2021	31/3/2021	15	1.950.000		



28	Bùi Đức Toàn	Trực Lái xe vận chuyển người bệnh	HCQT	130.000		01/3/2021	31/3/2021	3	390.000		
29	Chu Minh Tuấn		HCQT	130.000		01/3/2021	31/3/2021	2	260.000		
	Cộng I							139	18.070.000		
II	Hỗ trợ tiền ăn (Mục 5 điều 2 NQ 16)										
1	Bùi Thị Năm	khám, chuẩn đoán, điều trị người nghi mắc covid tại khu vực cách ly bệnh viện	PK BNĐ		80.000	01/03/2021	31/03/2021	7	560.000		
2	Đinh Thị Hải Hà		BNĐ		80.000	01/03/2021	31/03/2021	8	640.000		
3	Phạm Văn Ngà		BNĐ		80.000	01/03/2021	31/03/2021	7	560.000		
4	Đặng Thị Lan Anh		BNĐ		80.000	01/03/2021	31/03/2021	3	240.000		
5	Bùi Trung Hậu		BNĐ		80.000	01/03/2021	31/03/2021	3	240.000		
6	Phạm Thị Ánh Tuyết		BNĐ		80.000	01/03/2021	31/03/2021	2	160.000		
7	Đặng Thị Nguyệt		BNĐ		80.000	01/03/2021	31/03/2021	2	160.000		
8	Trần Mạnh Cường		BNĐ		80.000	01/03/2021	31/03/2021	3	240.000		
9	Vương Thị Lò		BNĐ		80.000	01/03/2021	31/03/2021	3	240.000		
10	Lê Thị Minh Hằng		BNĐ		80.000	01/03/2021	31/03/2021	3	240.000		
11	Đào Thị Thu Hương		BNĐ		80.000	01/03/2021	31/03/2021	3	240.000		
12	Phạm Thị Bông	VS tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh...	BNĐ		80.000	01/03/2021	31/03/2021	12	960.000		
	Cộng							56	4.480.000		
	Cộng I + II								22.550.000		



DUYỆT LÃNH ĐẠO

GIÁM ĐỐC

Trịnh Văn Mạnh

PHÒNG TCKT

Nguyễn Thị Vũ

PHÒNG TCCB

Bs. Hoàng Quỳnh Hoa

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

Bùi Thị Nguyệt Ánh

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đặng Thị Ánh Tuyết

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP
Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho người tham gia thường trực chống dịch 24/24h và hỗ trợ tiền ăn

Tháng 4/2021

ĐVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị	Mức hỗ trợ		Từ ngày (mm/dd/yy)	Đến ngày (mm/dd/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm	Ghi chú
				Phụ cấp thường trực (130.000đ/ngày)	Tiền ăn (80.000đ /phiên trực)						
1	2			3	4	5	6	7=6-5	8=(3+4)*7	9	10
	Tổng cộng (I+II)										
1	Mức phụ cấp thường trực chống dịch 24/24h										
	PHÒNG KHÁM SÀNG LỌC								-		
1	Trần Mạnh Vũ	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	HHNN	130.000		01/4/2021	30/4/2021	9	1.170.000		
2	Nguyễn Thị Hằng		TM	130.000		01/4/2021	30/4/2021	2	260.000		
3	Vũ Phương Tiến		TM	130.000		01/4/2021	30/4/2021	3	390.000		
4	Nguyễn Trung Kiên		NỘI TH	130.000		01/4/2021	30/4/2021	5	650.000		
5	Trần Anh Tuyến		NỘI TH	130.000		01/4/2021	30/4/2021	4	520.000		
6	Nguyễn Thị Dinh		Nhi	130.000		01/4/2021	30/4/2021	1	130.000		
7	Hoàng Hà My		KKB	130.000		01/4/2021	30/4/2021	3	390.000		
8	Nguyễn Văn Doanh		Nhi	130.000		01/4/2021	30/4/2021	1	130.000		
9	Lý Thị Cúc		TMH	130.000		01/4/2021	30/4/2021	2	260.000		

10	Vũ Thị Hương Ngân	Khám, sàng lọc, điều tra dịch tễ	Nhi	130.000		01/4/2021	30/4/2021	1	130.000		
11	Lê Đức Tuấn		Mắt	130.000		01/4/2021	30/4/2021	1	130.000		
12	Vũ Thị Thơ		PKCS2	130.000		01/4/2021	30/4/2021	3	390.000		
13	Lâm Tuấn Quỳnh		Mắt	130.000		01/4/2021	30/4/2021	1	130.000		
14	Vũ Văn Minh		GMHS	130.000		01/4/2021	30/4/2021	2	260.000		
15	Nguyễn Văn Doanh		Nhi	130.000		01/4/2021	30/4/2021	1	130.000		
16	Kiều Vân Anh		YHCT	130.000		01/4/2021	30/4/2021	2	260.000		
17	Vũ Thị Hải Yến		KKB	130.000		01/4/2021	30/4/2021	15	1.950.000		
KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH									-		
18	Phạm Quốc Trường	KTV CDHA	CDHA	130.000		01/4/2021	30/4/2021	2	260.000		
	TRỰC CẬP NHẬT THÔNG TIN, ĐIỀU TRA DỊCH TỄ TỔNG HỢP BÁO CÁO TÌNH HÌNH COVID								-		
19	Đặng Thị Ánh Tuyết	Trực thông tin, điều tra dịch tễ, và báo cáo, cập nhật tình hình COVID	KHTH	130.000		01/4/2021	30/4/2021	11	1.430.000		
20	Nguyễn Thị Anh Trang		KHTH	130.000		01/4/2021	30/4/2021	10	1.300.000		
21	Nguyễn Thị Thu Phương		KHTH	130.000		01/4/2021	30/4/2021	9	1.170.000		
22	Lê Hoài Thanh	Trực BV	HCQT	130.000		01/4/2021	30/4/2021	15	1.950.000		
23	Lục Văn Tiến		HCQT	130.000		01/4/2021	30/4/2021	15	1.950.000		
	Cộng I							118	15.340.000		
II	Hỗ trợ tiền ăn (Mục 5 điều 2 NQ 16)										
1	Đinh Việt Hải	khám, chuẩn đoán, điều trị người nghi mắc covid tại khu vực cách ly bệnh viện	K BND		80.000	01/4/2021	30/4/2021	1	80.000		
2	Đặng Thị Lan Anh		K BND		80.000	01/4/2021	30/4/2021	1	80.000		

3	Phạm Thị Bông	VS tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh...	K BNĐ		80.000	01/4/2021	30/4/2021	1	80.000		
	Cộng II							3	240.000		
	Tổng cộng (I+II)								15.580.000		

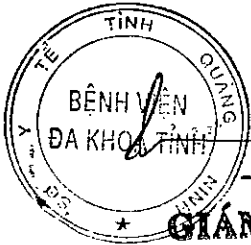
DUYỆT LÃNH ĐẠO

PHÒNG TCKT

PHÒNG TCCB

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

NGƯỜI LẬP BIỂU



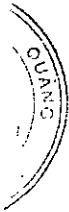
GIÁM ĐỐC
Trịnh Văn Mạnh

Nguyễn Thị Vũ

Bs. Hoàng Quỳnh Hoa

Bà Nguyễn Thị Nguyệt Ánh

Đặng Thị Ánh Nguyệt



Số: 1571 /QĐ-BVT

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chi hỗ trợ phụ cấp trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19
đối với Cán bộ Y tế- người lao động trong
tháng 02+tháng 3+tháng 4 năm 2021**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính Phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 29/3/2020 của Chính Phủ quy định về một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID – 19;

Căn cứ Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ Tướng Chính Phủ về quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch;

Căn cứ Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh Quy định mức chi phục vụ cách ly Y tế phục vụ phòng, chống dịch Covid – 19;

Căn cứ văn bản số 1427/STC-QLNS ngày 03/4/2020 của Sở tài chính tỉnh Quảng Ninh về việc hướng dẫn chế độ đặc thù và cá chi phí khác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19;

Xét Nghị quyết cuộc họp ngày 09/04/2020 của Ban chỉ đạo Phòng, chống dịch viêm phổi cấp do chủng mới của Virus Cororona của Bệnh viện đa khoa tỉnh;

Căn cứ Công văn số 704/SYT-NVY ngày 22/2/2021 của Sở Y tế về việc kiện toàn BCD, kế hoạch và phương án đảm bảo an toàn phòng chống dịch Covid – 19;

Căn cứ quyết định số 260/QĐ-BVT ngày 25/2/2021 của Bệnh viện về kiện toàn Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh Covid – 19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chi hỗ trợ phụ cấp trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid – 19 đối với Cán bộ Y tế – người lao động trong tháng 02+tháng 3+tháng 4 năm 2021. Cụ thể như sau:

- Tháng 02: 37.900.000 đồng.

Số người hưởng PC: 47 người

Số ngày : 53

- Tháng 3: 21.800.000 đồng.

Số người hưởng PC: 21 người

Số ngày : 43

- Tháng 4: 7.400.000 đồng.

Số người hưởng PC: 11 người

Số ngày : 36

Điều 2. Tổng số tiền chi: 67.100.000 đồng.

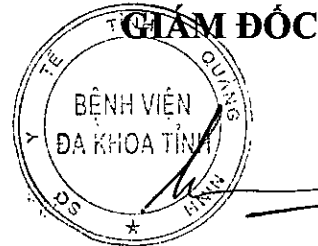
(Bằng chữ: Sáu mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng chẵn)

Nguồn chi được trích từ nguồn thu dự toán chống dịch Covid – 19
năm 2021 (Ngân sách nhà nước)

Điều 3. Các Ông (bà) trưởng các phòng: TCCB, TCKT, KHTH, Ban Chỉ đạo phòng chống dịch và các ông bà có tên trong danh sách căn cứ quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TCCB.



Trịnh Văn Mạnh

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP

Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho cán bộ y tế, người lao động tham gia phòng, chống dịch

8/02/2021 đến 28/2/2021

ĐVT: đồng

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
1	2			3	4	5	6=5-4	7=3*6	8	9
	Tổng cộng (I+II+III)									
I	Người đi giám sát, điều tra, xác minh dịch, người trực tiếp khám, chuẩn đoán điều trị người mắc COVID-19, NGHI MẮC COVID-19 tại khu vực cách ly của cơ sở khám bệnh chữa bệnh; Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu, phân tách mẫu, người trực tiếp làm xét nghiệm SARS-CoV-2 tại cơ sở y tế; Người làm công việc vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh tại khu điều trị người mắc COVID-19								Gửi kèm các QĐ điều động, bảng phân công nhiệm vụ.	Đối tượng xét nghiệm cần Phân công nhiệm vụ XN mẫu Sarr cov 2; chấm công các ngày XN mẫu Sarr cov 2 (không tính mẫu XN dịch vụ)
1	Đinh Thị Hải Hà	BNĐ	khám, chuẩn đoán, điều trị người nghi mắc covid tại khu vực cách ly	300.000	08/02/2021	28/02/2021	11	3.300.000		
2	Phạm Văn Ngà	BNĐ		300.000	08/02/2021	28/02/2021	10	3.000.000		
3	Đặng Thị Lan Anh	BNĐ		300.000	08/02/2021	28/02/2021	3	900.000		
4	Bùi Trung Hậu	BNĐ		300.000	08/02/2021	28/02/2021	3	900.000		
5	Phạm Thị Ánh Tuyết	BNĐ		300.000	08/02/2021	28/02/2021	2	600.000		
6	Đặng Thị Nguyệt	BNĐ		300.000	08/02/2021	28/02/2021	2	600.000		



7	Trần Mạnh Cường	BNĐ
8	Vương Thị Lò	BNĐ
9	Lê Thị Minh Hằng	BNĐ
10	Đào Thị Thu Hương	BNĐ
11	Lê Thùy Mai	Vsinh
12	Phạm Thảo Uyên	Vsinh
13	Trần Văn Tùng	Vsinh
14	Vũ Thùy Trang	Vsinh
15	Vũ Thị Mận	Vsinh
16	Vũ Thùy Dung	Vsinh
17	Nguyễn Thị Thương	Vsinh
18	Nguyễn Thị Kim Oanh	Vsinh
19	Dương Thị Hoài	Vsinh
20	Đào Thị Thùy	Vsinh
21	Đỗ Thị Nhung	Vsinh
22	Đoàn Phương Thảo	Vsinh
23	Nguyễn Thị Mai Nga	Vsinh
24	Đoàn Thị Thùy Ninh	Vsinh
25	Đào Thị Thu Hoài	Vsinh
26	Vũ Thị Hồng Yến	Vsinh
27	Hoàng Thị Thu Trang	Vsinh
28	Nguyễn Thị Thu Trang	Vsinh
29	Vũ Nguyệt Hòa	Vsinh
30	Lê Đăng Giang	Vsinh

bệnh viện

gộp mẫu, phân
tách mẫu, trực
tiếp làm xét
nghiệm SARS-
CoV-2 tại bệnh
viện

300.000	08/02/2021	28/02/2021	2	600.000		
300.000	08/02/2021	28/02/2021	4	1.200.000		
300.000	08/02/2021	28/02/2021	2	600.000		
300.000	08/02/2021	28/02/2021	3	900.000		
300.000	08/02/2021	28/02/2021	5	1.500.000		
300.000	08/02/2021	28/02/2021	2	600.000		
300.000	08/02/2021	28/02/2021	4	1.200.000		
300.000	08/02/2021	28/02/2021	3	900.000		
300.000	08/02/2021	28/02/2021	2	600.000		
300.000	08/02/2021	28/02/2021	1	300.000		
300.000	08/02/2021	28/02/2021	3	900.000		
300.000	08/02/2021	28/02/2021	2	600.000		
300.000	08/02/2021	28/02/2021	2	600.000		
300.000	08/02/2021	28/02/2021	2	600.000		
300.000	08/02/2021	28/02/2021	1	300.000		
300.000	08/02/2021	28/02/2021	2	600.000		
300.000	08/02/2021	28/02/2021	2	600.000		
300.000	08/02/2021	28/02/2021	1	300.000		
300.000	08/02/2021	28/02/2021	3	900.000		
300.000	08/02/2021	28/02/2021	4	1.200.000		
300.000	08/02/2021	28/02/2021	2	600.000		
300.000	08/02/2021	28/02/2021	2	600.000		
300.000	08/02/2021	28/02/2021	2	600.000		

31	Đỗ Quang Thế	Vsinh		300.000	08/02/2021	28/02/2021	2	600.000		
	Cộng I						91	27.300.000		
II	Người vận chuyển người bệnh, bệnh phẩm, bảo quản tử thi người bệnh, người giặt đồ vải, quần áo bác sĩ bệnh nhân, thu gom vỏ chai, lọ, hộp hóa chất; bảo vệ khu điều trị cách ly, vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh trong khu cách ly tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Người làm nhiệm vụ giám sát dịch tễ, theo dõi y tế tại cơ sở cách ly y tế tại nhà và cơ sở cách ly y tế theo chỉ định của cơ quan quản lý nhà nước; Người làm công việc súc rửa dụng cụ, pha chế môi trường tại cơ sở y tế để phục vụ cho phòng xét nghiệm SARS-CoV-2									
1	Nguyễn Huy Tiến	PGĐ	BCĐ Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát dịch tễ	200.000	08/02/2021	28/02/2021	6	1.200.000		
2	Hoàng Quỳnh Hoa	TPTCCB		200.000	08/02/2021	28/02/2021	4	800.000		
3	Mai Thị Thanh Thủy	TPĐ D		200.000	08/02/2021	28/02/2021	4	800.000		
4	Nguyễn Thị Hải Thanh	TK KSNK	BCĐ Kiểm tra, Giám sát KSNK	200.000	08/02/2021	28/02/2021	3	600.000		
5	Phạm Thị Lan Hương	K KSNK	Rửa dụng cụ, giặt đồ vải, quần áo BS, bệnh nhân, thu gom chai, lọ, hộp, hóa chất	200.000	08/02/2021	28/02/2021	6	1.200.000	Gửi kèm các QĐ điều động, bảng phân công nhiệm vụ.	
6	Đỗ Thị Thu	K KSNK		200.000	08/02/2021	28/02/2021	4	800.000		
7	Vũ Thị Nhài	K KSNK		200.000	08/02/2021	28/02/2021	1	200.000		
8	Trương Quang Vinh	K KSNK		200.000	08/02/2021	28/02/2021	1	200.000		
9	Nguyễn Thị Diệp Hà	K KSNK		200.000	08/02/2021	28/02/2021	2	400.000		
10	Trần Minh Đức	K KSNK		200.000	08/02/2021	28/02/2021	2	400.000		
11	Nguyễn Đăng Lâm	K KSNK		200.000	08/02/2021	28/02/2021	1	200.000		
12	Lương Thị Hồng Yến	K KSNK		200.000	08/02/2021	28/02/2021	1	200.000		
13	Nguyễn Văn Khắc	K KSNK		200.000	08/02/2021	28/02/2021	1	200.000		
14	Nguyễn Thị Nhung	K KSNK		200.000	08/02/2021	28/02/2021	1	200.000		
15	Trần Xuân Hải	K KSNK		200.000	08/02/2021	28/02/2021	5	1.000.000		
16	Nguyễn Ngọc Linh	K KSNK		200.000	08/02/2021	28/02/2021	5	1.000.000		

17	Phạm Thị Bông	K BND	VS tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh...	200.000	08/02/2021	28/02/2021	6	1.200.000		
	Cộng II						53	10.600.000		
	Tổng Cộng (I+II+III)							37.900.000		

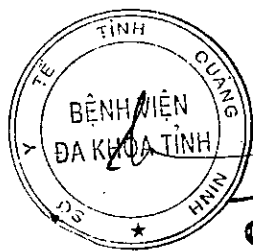
DUYỆT LÃNH ĐẠO

PHÒNG TCKT

PHÒNG TCCB

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

NGƯỜI LẬP BIỂU



GIÁM ĐỐC
Trịnh Văn Mạnh

Viết

Văn

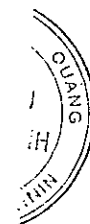
Ng

Th

Bs. Hoàng Quỳnh Hoa

Phụ Thị Nguyệt Ánh

Ngô Thủy Quỳnh



DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP

Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho cán bộ y tế, người lao động tham gia phòng, chống dịch

Tháng 03/2021

STT	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
1	2			3	4	5	6=5-4	8=(3+4)*7	8	9
	Tổng cộng (I+II+III)									
I	Người đi giám sát, điều tra, xác minh dịch, người trực tiếp khám, chuẩn đoán điều trị người mắc bệnh dịch tại cơ sở khám bệnh chữa bệnh; Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu, phân tách mẫu, người trực tiếp làm xét nghiệm SARS-CoV-2 tại cơ sở y tế; Người làm công việc vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh tại khu điều trị người mắc COVID-19									
1	Bùi Thị Năm	PK BND	khám, chuẩn đoán, điều trị người nghi mắc covid tại khu vực cách ly bệnh viện	300.000	01/03/2021	31/03/2021	7	2.100.000	Gửi kèm các QĐ điều động, bảng phân công nhiệm vụ. Đối tượng xét nghiệm cần Phân công nhiệm vụ XN mẫu Sarr cov 2; chăm công các ngày XN mẫu Sarr cov 2 (không tính mẫu XN dịch vụ)	
2	Đinh Thị Hải Hà	BND		300.000	01/03/2021	31/03/2021	8	2.400.000		
3	Phạm Văn Ngà	BND		300.000	01/03/2021	31/03/2021	7	2.100.000		
4	Đặng Thị Lan Anh	BND		300.000	01/03/2021	31/03/2021	3	900.000		
5	Bùi Trung Hậu	BND		300.000	01/03/2021	31/03/2021	3	900.000		
6	Phạm Thị Ánh Tuyết	BND		300.000	01/03/2021	31/03/2021	2	600.000		
7	Đặng Thị Nguyệt	BND		300.000	01/03/2021	31/03/2021	2	600.000		
8	Trần Mạnh Cường	BND		300.000	01/03/2021	31/03/2021	3	900.000		
9	Vương Thị Lò	BND		300.000	01/03/2021	31/03/2021	3	900.000		
10	Lê Thị Minh Hằng	BND		300.000	01/03/2021	31/03/2021	3	900.000		
11	Đào Thị Thu Hương	BND		300.000	01/03/2021	31/03/2021	3	900.000		

	Cộng I						44	13.200.000		
II	Người vận chuyển người bệnh, bệnh phẩm, bảo quản tử thi người bệnh, người giặt đồ vải, quần áo bác sĩ bệnh nhân, thu gom vỏ chai, lọ, hộp hóa chất; bảo vệ khu điều trị cách ly, vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh trong khu cách ly tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Người làm nhiệm vụ giám sát dịch tễ, theo dõi y tế tại cơ sở cách ly y tế tại nhà và cơ sở cách ly y tế theo chỉ định của cơ quan quản lý nhà nước; Người làm công việc súc rửa dụng cụ, pha chế môi trường tại cơ sở y tế để phục vụ cho phòng xét nghiệm SARS-CoV-2									
1	Nguyễn Huy Tiến	PGĐ	BCĐ Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát dịch tễ	200.000	01/03/2021	31/03/2021	6	1.200.000		
2	Hoàng Quỳnh Hoa	TPTCCB		200.000	01/03/2021	31/03/2021	4	800.000		
3	Mai Thị Thanh Thủy	TPĐ D		200.000	01/03/2021	31/03/2021	4	800.000		
4	Nguyễn Thị Hải Thanh	TK CNK	Kiểm tra, Giám sát KSNK	200.000	01/03/2021	31/03/2021	2	400.000		
5	Nguyễn Thị Tuyết Hương	K KSNK	giặt đồ vải, quần áo BS, bệnh nhân	200.000	01/03/2021	31/03/2021	2	400.000		
6	Trần Thu Huyền	K KSNK		200.000	01/03/2021	31/03/2021	3	600.000		
7	Nguyễn Thị Diệp Hà	K KSNK		200.000	01/03/2021	31/03/2021	1	200.000		
8	Lương Thị Hồng Yên	K KSNK		200.000	01/03/2021	31/03/2021	4	800.000		
9	Trần Xuân Hải	K KSNK		200.000	01/03/2021	31/03/2021	5	1.000.000		
10	Phạm Thị Bông	K BND	VS tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh...	200.000	01/03/2021	31/03/2021	12	2.400.000		
	Cộng II						43	8.600.000		
	Tổng Cộng (I+II)							21.800.000		



GIÁM ĐỐC
Trịnh Văn Mạnh

PHÒNG TCKT

Nguyễn Thị Vũ

PHÒNG TCCB

Bs. Hoàng Quỳnh Hoa

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

Bác Sĩ Nguyễn Ái

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngô Thủy Quỳnh

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 THEO NGHỊ QUYẾT 16/NQ-CP

Nội dung: Chế độ phụ cấp chống dịch cho cán bộ y tế, người lao động tham gia phòng, chống dịch

Tháng 04/2021

ĐVT: đồng

ST T	Tên cá nhân	Khoa /Phòng	Nhiệm vụ cụ thể	Mức hỗ trợ	Từ ngày (dd/mm/yy)	Đến ngày (dd/mm/yy)	Số ngày hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ	Quyết định điều động; Bảng phân công trực của Ban Chỉ đạo; Bảng phân công của cơ quan có thẩm quyền	Ghi chú
1	2			3	4	5	6=5-4	8-(3+4)*7	8	9
	Tổng cộng (I+II+III)									
I	Người đi giám sát, điều tra, xác minh dịch, người trực tiếp khám, chuẩn đoán điều trị người mắc bệnh dịch tại cơ sở khám bệnh chữa bệnh; Người làm công việc lấy mẫu, gộp mẫu, phân tách mẫu, người trực tiếp làm xét nghiệm SARS-CoV-2 tại cơ sở y tế; Người làm công việc vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh tại khu điều trị người mắc COVID-19								Gửi kèm các QĐ điều động, bảng phân công nhiệm vụ.	Đối tượng xét nghiệm cần Phân công nhiệm vụ XN mẫu Sarr cov 2; chấm công các ngày XN mẫu Sarr cov 2 (không tính mẫu XN dịch vụ)
1	Đinh Việt Hải	K BNĐ	khám, chuẩn đoán, điều trị người nghi mắc covid tại khu vực cách ly bệnh viện	300.000	01/04/2021	30/04/2021	1	300.000		
2	Đặng Thị Lan Anh	K BNĐ		300.000	01/04/2021	30/04/2021	1	300.000		
	Cộng I						2	600.000		



II	Người vận chuyển người bệnh, bệnh phẩm, bảo quản tử thi người bệnh, người giặt đồ vải, quần áo bác sĩ bệnh nhân, thu gom vỏ chai, lọ, hộp hóa chất; bảo vệ khu điều trị cách ly, vệ sinh, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh trong khu cách ly tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Người làm nhiệm vụ giám sát dịch tễ, theo dõi y tế tại cơ sở cách ly y tế tại nhà và cơ sở cách ly y tế theo chỉ định của cơ quan quản lý nhà nước; Người làm công việc súc rửa dụng cụ, pha chế môi trường tại cơ sở y tế để phục vụ cho phòng xét nghiệm SASR-CoV-2									
1	Trịnh Văn Mạnh	Giám đốc	Kiểm tra, giám sát, sàng lọc dịch tễ	200.000	01/04/2021	30/04/2021	6	1.200.000		
2	Đặng Thị Thúy	P.GĐ	Kiểm tra, giám sát, sàng lọc dịch tễ	200.000	01/04/2021	30/04/2021	6	1.200.000		
3	Nguyễn Huy Tiến	P.GĐ	Kiểm tra, giám sát, sàng lọc dịch tễ	200.000	01/04/2021	30/04/2021	6	1.200.000		
4	Vũ Anh Tuấn	P.GĐ	Kiểm tra, giám sát, sàng lọc dịch tễ	200.000	01/04/2021	30/04/2021	6	1.200.000		
5	Bùi Thị Nguyệt Ánh	TP.KH	Kiểm tra, giám sát, sàng lọc dịch tễ	200.000	01/04/2021	30/04/2021	6	1.200.000		
6	Lưu Thị Tâm	K KSNK	giặt đồ vải, quần áo BS, bệnh nhân	200.000	01/04/2021	30/04/2021	1	200.000		
7	Đỗ Ngọc Thanh Tâm	K KSNK		200.000	01/04/2021	30/04/2021	1	200.000		
8	Trần Xuân Hải	K KSNK	giặt đồ vải, quần áo BS, bệnh nhân	200.000	01/04/2021	30/04/2021	1	200.000		
9	Phạm Thị Bông	K BNĐ	VS tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh...	200.000	01/04/2021	30/04/2021	1	200.000		
	Cộng II						34	6.800.000		

INH
 H VIỆN
 LOA TI
 ★

Người làm nhiệm vụ tại cơ sở cách ly y tế tập trung (không áp dụng đối với hình thức cách ly tại nhà, nơi lưu trú); Người làm nhiệm vụ cưỡng chế cách ly y tế, truy tìm đối tượng phải áp dụng biện pháp cách ly y tế nhưng không chấp hành biện pháp cách ly y tế; Người phiên dịch, đội cấp cứu 115, kíp vận chuyển người bị cách ly; lái xe đưa cán bộ đi kiểm tra, giám sát phòng, chống dịch; Người làm nhiệm vụ kiểm soát dịch bệnh tại tổ, chốt, đường mòn, lối mở trên toàn tuyến biên giới; làm thủ tục cho người nhập cảnh tại các cửa khẩu, cảng biển; Người làm nhiệm vụ khoanh vùng, phong tỏa, tuần tra, kiểm soát và đảm bảo an ninh trật tự tại khu vực cách ly y tế tập trung, chốt kiểm soát dịch bệnh tại các địa bàn dân cư có người nhiễm COVID-19; Người làm nhiệm vụ phun khử trùng, diệt khuẩn tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (không bao gồm đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều này), cơ sở cách ly y tế tập trung, khu vực dân cư bị khoanh vùng, phong tỏa theo quyết định của cấp có thẩm quyền; Người làm nhiệm vụ phân luồng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong thời gian cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tiếp nhận, điều trị người mắc COVID-19									
Tổng Cộng (I+II+III)								7.400.000	

DUYỆT LÃNH ĐẠO

PHÒNG TCKT

PHÒNG TCCB

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

NGƯỜI LẬP BIỂU



GIÁM ĐỐC

Trình Văn Mạnh

Nguyễn Thị Vũ

Bs. Hoàng Quỳnh Hoa

Bà Phụng Nguyệt Anh

Ngô Thủy Quỳnh

BẢNG THANH TOÁN ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán/ủy nhiệm chi số:DT54 ngày 23 tháng 07 năm 2021)

Tài khoản dự toán: 9527.2.1017339

Tài khoản tiền gửi :

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

2. Mã đơn vị: 1017339

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng : Số tài khoản: 440280701009 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam- CN Quảng Ninh

I. Nội dung đề nghị thanh toán: phụ cấp chống dịch covid tháng 2+3+4

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó							Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công thường xuyên lao động theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán	Tiền học bổng	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	Tổng cộng:			161.110.000					161.110.000			
1	Bui Duc Toan	44010000434323	BIDV Quảng Ninh	1.250.000					1.250.000			
2	Bui Huu Hung	44010000085527	BIDV Quảng Ninh	1.930.000					1.930.000			
3	Bui Thi Nam	44010000087091	BIDV Quảng Ninh	2.660.000					2.660.000			
4	Bui Thi Nguyet Anh	44010000606052	BIDV Quảng Ninh	1.620.000					1.620.000			
5	Bui Thi Trung Hau	44010000083008	BIDV Quảng Ninh	2.490.000					2.490.000			
6	Chu Minh Tuan	44010000656844	BIDV Quảng Ninh	860.000					860.000			
7	Dang Duy Linh	44010000577608	BIDV Quảng Ninh	340.000					340.000			
8	Dang Thi Anh Tuyet	44010000646872	BIDV Quảng Ninh	4.190.000					4.190.000			
9	Dang Thi Lan Anh	44010000125335	BIDV Quảng Ninh	2.870.000					2.870.000			
10	Dang Thi Nguyet	44010000620308	BIDV Quảng Ninh	1.730.000					1.730.000			
11	Dang Thi Thuy	44010000090211	BIDV Quảng Ninh	1.200.000					1.200.000			
12	Dao Thi Thu Hoai	44010000206355	BIDV Quảng Ninh	1.350.000					1.350.000			
13	Dao Thi Thu Huong	44010000479661	BIDV Quảng Ninh	2.490.000					2.490.000			

14	Dao Thi Thuy	44010000813773	BIDV Quảng Ninh	1.020.000					1.020.000			
15	Dinh Thi Hai Ha	44010000356144	BIDV Quảng Ninh	8.060.000					8.060.000			
16	Dinh Viet Hai	44010000082290	BIDV Quảng Ninh	380.000					380.000			
17	Do Ngoc Thanh Tam	44010000301737	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
18	Do Quang The	44010000259030	BIDV Quảng Ninh	1.650.000					1.650.000			
19	Do Quoc Truong	44010000120677	BIDV Quảng Ninh	260.000					260.000			
20	Do Thi Nhung	44010000259021	BIDV Quảng Ninh	1.020.000					1.020.000			
21	Do Thi Thu	44010000086405	BIDV Quảng Ninh	800.000					800.000			
22	Doan Thi Phuong Thao	44010000083965	BIDV Quảng Ninh	300.000					300.000			
23	Doan Thi Thuy Ninh	44010000421477	BIDV Quảng Ninh	1.650.000					1.650.000			
24	Duong Thi Hoai	44010000478154	BIDV Quảng Ninh	1.020.000					1.020.000			
25	Ha Thi Tuyen	44010000119967	BIDV Quảng Ninh	195.000					195.000			
26	Hoang Ha My	44010000813807	BIDV Quảng Ninh	1.185.000					1.185.000			
27	Hoang Huu Tuan	44010000249484	BIDV Quảng Ninh	1.230.000					1.230.000			
28	Hoang Quynh Hoa	44010000189322	BIDV Quảng Ninh	1.600.000					1.600.000			
29	Hoang Thi Giang	44010000604807	BIDV Quảng Ninh	630.000					630.000			
30	Hoang Thi Thu Trang	44010000199154	BIDV Quảng Ninh	2.670.000					2.670.000			
31	Hy Thi Lan	44010000529867	BIDV Quảng Ninh	420.000					420.000			
32	Kieu Van Anh	44010000084968	BIDV Quảng Ninh	1.185.000					1.185.000			
33	Lai Thi Thu	44010000137561	BIDV Quảng Ninh	325.000					325.000			
34	Lam Tuan Quynh	44010000179402	BIDV Quảng Ninh	650.000					650.000			
35	Le Dang Giang	44010000303098	BIDV Quảng Ninh	1.020.000					1.020.000			
36	Le Duc Tuan	44010000811209	BIDV Quảng Ninh	390.000					390.000			
37	Le Hoai Thanh	44010000085138	BIDV Quảng Ninh	1.950.000					1.950.000			
38	Le Thi Minh Hang	44010000082971	BIDV Quảng Ninh	2.110.000					2.110.000			
39	Le Thuy Mai	44010000360826	BIDV Quảng Ninh	2.760.000					2.760.000			
40	Loan Nhu Tuyen	44010000324442	BIDV Quảng Ninh	730.000					730.000			
41	Luc Van Tien	44010000085226	BIDV Quảng Ninh	3.900.000					3.900.000			
42	Luong Thi Hong Yen	44010000086292	BIDV Quảng Ninh	1.000.000					1.000.000			
43	Luu Thi Tam	44010000478093	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
44	Ly Thi Cuc	44010000485534	BIDV Quảng Ninh	260.000					260.000			

45	Mai Thi Thanh Thuy	44010000084409	BIDV Quảng Ninh	1.600.000					1.600.000			
46	Ngo Van Kien	44010000530577	BIDV Quảng Ninh	390.000					390.000			
47	Nguyen Binh Duy	44010000175163	BIDV Quảng Ninh	730.000					730.000			
48	Nguyen Dang Lam	44010000083080	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
49	Nguyen Diep Linh	44010000817322	BIDV Quảng Ninh	665.000					665.000			
50	Nguyen Huy Tien	44010000053579	BIDV Quảng Ninh	4.020.000					4.020.000			
51	Nguyen Ngoc Linh	44010000259474	BIDV Quảng Ninh	1.000.000					1.000.000			
52	Nguyen Thi Anh Trang	44010000083567	BIDV Quảng Ninh	4.140.000					4.140.000			
53	Nguyen Thi Bich Lien	44010000769007	BIDV Quảng Ninh	210.000					210.000			
54	Nguyen Thi Bich Nga	44010000576979	BIDV Quảng Ninh	260.000					260.000			
55	Nguyen Thi Cuong	44010000479519	BIDV Quảng Ninh	210.000					210.000			
56	Nguyen Thi Diep Ha	44010000086362	BIDV Quảng Ninh	600.000					600.000			
57	Nguyen Thi Dinh	44010000301700	BIDV Quảng Ninh	130.000					130.000			
58	Nguyen Thi Hai Thanh	44010000084366	BIDV Quảng Ninh	1.000.000					1.000.000			
59	Nguyen Thi Hai Yen	44010000810677	BIDV Quảng Ninh	550.000					550.000			
60	Nguyen Thi Hang	44010000528086	BIDV Quảng Ninh	1.365.000					1.365.000			
61	Nguyen Thi Hoang Yen	44010000083354	BIDV Quảng Ninh	600.000					600.000			
62	Nguyen Thi Huyen	44010000460647	BIDV Quảng Ninh	1.265.000					1.265.000			
63	Nguyen Thi Kim Oanh	44010000086627	BIDV Quảng Ninh	1.650.000					1.650.000			
64	Nguyen Thi Mai	44010000120394	BIDV Quảng Ninh	390.000					390.000			
65	Nguyen Thi Mai Nga	44010000086645	BIDV Quảng Ninh	1.650.000					1.650.000			
66	Nguyen Thi Ngoc Diep	44010000082166	BIDV Quảng Ninh	730.000					730.000			
67	Nguyen Thi Nha Trang	44010000242599	BIDV Quảng Ninh	210.000					210.000			
68	Nguyen Thi Nhung	44010000086326	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
69	Nguyen Thi Thu Phuong	44010000205583	BIDV Quảng Ninh	3.800.000					3.800.000			
70	Nguyen Thi Thu Trang	44010000615650	BIDV Quảng Ninh	810.000					810.000			
71	Nguyen Thi Thuong	44010000701498	BIDV Quảng Ninh	1.530.000					1.530.000			
72	Nguyen Thi Tuyet Huong	44010000086265	BIDV Quảng Ninh	400.000					400.000			
73	Nguyen Thien Mung	44010000085402	BIDV Quảng Ninh	2.270.000					2.270.000			
74	Nguyen Trung Kien	44010000592045	BIDV Quảng Ninh	1.300.000					1.300.000			
75	Nguyen Van Doanh	44010000311514	BIDV Quảng Ninh	390.000					390.000			

76	Nguyen Van Khac	44010000085369	BIDV Quảng Ninh	200.000						200.000			
77	Nguyen Van Manh	44010000205501	BIDV Quảng Ninh	1.390.000						1.390.000			
78	Nguyen Van Vuong	44010000085217	BIDV Quảng Ninh	2.080.000						2.080.000			
79	Nguyen Viet Khang	44010000616024	BIDV Quảng Ninh	990.000						990.000			
80	Nguyen Xuan Hung	44010000120589	BIDV Quảng Ninh	340.000						340.000			
81	Pham Quang Huy	44010000149405	BIDV Quảng Ninh	1.200.000						1.200.000			
82	Pham Quang Tuan Anh	44010000615997	BIDV Quảng Ninh	390.000						390.000			
83	Pham Quoc Huy	44010000455689	BIDV Quảng Ninh	600.000						600.000			
84	Pham Thao Uyen	44010000085086	BIDV Quảng Ninh	1.440.000						1.440.000			
85	Pham Thi Anh Tuyet	44010000615395	BIDV Quảng Ninh	1.730.000						1.730.000			
86	Pham Thi Bong	44010000083150	BIDV Quảng Ninh	5.530.000						5.530.000			
87	Pham Thi Huyen	44010000254035	BIDV Quảng Ninh	195.000						195.000			
88	Pham Thi Lan Huong	44010000086104	BIDV Quảng Ninh	1.200.000						1.200.000			
89	Pham Thi My Linh	44010000475863	BIDV Quảng Ninh	325.000						325.000			
90	Pham Thi Phuong Thuy	44010000120844	BIDV Quảng Ninh	940.000						940.000			
91	Pham Van Nga	44010000473812	BIDV Quảng Ninh	7.090.000						7.090.000			
92	Pham Van Thanh	44010000529432	BIDV Quảng Ninh	630.000						630.000			
93	Phan Van Thuong	44010000413687	BIDV Quảng Ninh	390.000						390.000			
94	Tran Anh Tuyen	44010000592054	BIDV Quảng Ninh	2.225.000						2.225.000			
95	Tran Manh Cuong	44010000221747	BIDV Quảng Ninh	2.110.000						2.110.000			
96	Tran Manh Vu	44010000592470	BIDV Quảng Ninh	2.370.000						2.370.000			
97	Tran Minh Duc	44010000381021	BIDV Quảng Ninh	400.000						400.000			
98	Tran Nhat Toan	44010000476158	BIDV Quảng Ninh	1.170.000						1.170.000			
99	Tran Thu Huyen	44010000086113	BIDV Quảng Ninh	600.000						600.000			
100	Tran Van Tung	44010000421565	BIDV Quảng Ninh	2.250.000						2.250.000			
101	Tran Xuan Hai	44010000085253	BIDV Quảng Ninh	2.200.000						2.200.000			
102	Trinh Van Manh	44010000259553	BIDV Quảng Ninh	1.410.000						1.410.000			
103	Truong Quang Vinh	44010000085420	BIDV Quảng Ninh	200.000						200.000			
104	Vu Anh Tuan	44010000087806	BIDV Quảng Ninh	1.620.000						1.620.000			
105	Vu Nguyet Hoa	44010000382079	BIDV Quảng Ninh	1.020.000						1.020.000			
106	Vu Phuong Tien	44010000591264	BIDV Quảng Ninh	390.000						390.000			

107	Vu Thi Hai Yen	44010000102718	BIDV Quảng Ninh	5.440.000					5.440.000			
108	Vu Thi Hong Yen	44010000612688	BIDV Quảng Ninh	2.160.000					2.160.000			
109	Vu Thi Huong	44010000479528	BIDV Quảng Ninh	730.000					730.000			
110	Vu Thi Man	44010000616644	BIDV Quảng Ninh	1.230.000					1.230.000			
111	Vu Thi Nhai	44010000086195	BIDV Quảng Ninh	200.000					200.000			
112	Vu Thi Phuong Ngan	44010000701045	BIDV Quảng Ninh	260.000					260.000			
113	Vu Thi Tho	44010000409677	BIDV Quảng Ninh	390.000					390.000			
114	Vu Thi Van Anh	44010000348239	BIDV Quảng Ninh	210.000					210.000			
115	Vu Thuy Dung	44010000820454	BIDV Quảng Ninh	720.000					720.000			
116	Vu Thuy Trang	44010000616635	BIDV Quảng Ninh	1.950.000					1.950.000			
117	Vu Van Minh	44010000701124	BIDV Quảng Ninh	520.000					520.000			
118	Vuong Thi Lo	44010000477878	BIDV Quảng Ninh	2.660.000					2.660.000			

Bằng chữ: Một trăm sáu mươi một triệu một trăm mười nghìn đồng

XÁC NHẬN CỦA NGÂN HÀNG

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

DUYỆT LÃNH ĐẠO

BIDV CHI NHÁNH QUẢNG NINH
PHÒNG GIAO DỊCH KHÁCH HÀNG
Đã nhận ngày.....
GDV

NGUYỄN THÀNH TRUNG

NGUYỄN THỊ VINH

TRỊNH VĂN MẠNH

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

KIỂM SOÁT

Chuyên viên kiểm soát chi/giao dịch viên

Ngày tháng năm 2021

Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng
được ủy quyền/Giám đốc KBNN quận huyện

Mẫu số 16a1
Ký hiệu C2-02a/NS

Số: .DT57/ 210728_1017339_2811001
Năm NS: 2021

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Thực chi ☒ Tạm ứng ☐

Chuyển khoản ☒
Tiền mặt tại KB ☐
Tiền mặt tại NH ☐

Đơn vị rút dự toán: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh
Tài khoản: 9527.2.1017339 Tại KBNN: VP KBNN Quảng Ninh
Tên CTMT, DA:
Mã CTMT, DA:
Số CKC, HDK: Số CKC, HĐTH:

Nội dung thanh toán	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Rút dự toán nộp vào tài khoản tiền gửi tại kho bạc: Hỗ trợ chi phí xét nghiệm Covid Tháng 2+3+4 năm 2021 theo Hóa đơn số: 35647 ngày 22/07/2021	7001	423	132	12	6.841.000
Tổng cộng					6.841.000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Sáu triệu tám trăm bốn mươi một nghìn đồng chẵn./.

Đơn vị nhận tiền: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh
Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Tài khoản: 3714.0.1017339.00000 Tại KBNN (NH): Kho bạc Nhà Nước Quảng Ninh
Hoặc người nhận tiền:
Số CMND: Cấp ngày: Nơi cấp:

PHÂN KBNN GHI
Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Mã ĐBHC:

Ngày...tháng...năm ...
Người nhận tiền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 29 tháng 07 năm 2021
Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Thị Vinh
Ngày ký: 28/07/2021 08:10:30
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Thị Vinh

Người ký: Trịnh Văn Mạnh
Ngày ký: 28/07/2021 09:01:30
Chức danh: Chủ M Quản
Đơn vị: Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Quảng Ninh

Trịnh Văn Mạnh

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Ngày... tháng ... năm ...

Thủ quỹ Kế toán Kế toán trưởng Giám đốc

Mẫu số 07

Mã hiệu:.....

Số: M01/ 210728_1017339_2811002

BẢNG KÊ NỘI DUNG THANH TOÁN/TẠM ỨNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán, Ủy nhiệm chi, Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng số: 210728_1017339_2811001 Năm Ngân sách)

Đơn vị sử dụng Ngân sách: Bệnh viện đa khoa
tỉnh Quảng Ninh
Mã đơn vị: 1017339
Mã nguồn: 01
Mã CTMTQG, Dự án ODA:

Thanh toán trực tiếp ☒
Tạm ứng ☐
Thu hồi tạm ứng ☐

STT	Hóa đơn		Chứng từ		Mã NDKT	Nội dung chi	Số tiền			
	Số	Ngày/tháng/năm	Số	Ngày/tháng/năm			Số lượng	Định mức	Đơn giá thực tế	Thành tiền
1			DT57	28/07/2021	7001	Rút dự toán nộp vào tài khoản tiền gửi tại kho bạc: Hỗ trợ chi phí xét nghiệm Covid Tháng 2+3+4 năm 2021 theo Hóa đơn số: 35647 ngày 22/07/2021			0	6.841.000
Tổng cộng số tiền bằng số:										6.841.000

Tổng số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu tám trăm bốn mươi một nghìn đồng chẵn./.

Trong đó: Số thu hồi tạm ứng.....Số thanh toán :Sáu triệu tám trăm bốn mươi một nghìn đồng chẵn./.

Kế toán trưởng

Người ký: Nguyễn Thị Vinh
Ngày ký: 28/07/2021 08:16:25
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Thị Vinh

Ngày 29 tháng 07 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

Người ký: Trịnh Văn Mạnh
Ngày ký: 28/07/2021 08:31:30
Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Trịnh Văn Mạnh



Người ký: Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
Ngày ký: 26/07/2021 18:44:21
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh
Nội dung: Đã hoàn thành thanh toán

Mẫu số 16a1
Ký hiệu C2-02a/NS

Số: DT55/ 210723_1017339_2811011

Năm NS: 2021

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Thực chi ☒

Tạm ứng ☐

Chuyển khoản ☒

Tiền mặt tại KB ☐

Tiền mặt tại NH ☐

Đơn vị rút dự toán: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Tài khoản: 9527.2.1017339

Tại KBNN: VP KBNN Quảng Ninh

Tên CTMT, DA:

Mã CTMT, DA:

Số CKC, HDK:

Số CKC, HĐTH:

Nội dung thanh toán	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Rút dự toán nộp vào tài khoản tiền gửi tại kho bạc: Hỗ trợ chi phí xét nghiệm Covid Tháng 2+3+4 năm 2021 theo Hóa đơn số: 35647 ngày 22/07/2021	7001	423	132	12	2.914.000
Tổng cộng					2.914.000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Hai triệu chín trăm mười bốn nghìn đồng chẵn./.

Đơn vị nhận tiền: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Tài khoản: 3714.0.1017339.00000

Tại KBNN (NH): Kho bạc Nhà Nước Quảng Ninh

Hoặc người nhận tiền:

Số CMND:

Cấp ngày:

Nơi cấp:

PHÂN KBNN GHI
Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Mã ĐBHC:

Ngày...tháng...năm ...

Người nhận tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 23 tháng 07 năm 2021

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người ký: Nguyễn Thị Vân
Ngày ký: 23/07/2021 13:23:09
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Thị Vân

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Người ký: Trịnh Văn Mạnh
Ngày ký: 23/07/2021 14:56:49
Chức danh: Chủ tịch Khoán
Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Trịnh Văn Mạnh

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 26 tháng 07 năm 2021

Thủ quỹ

Kế toán

Kế toán trưởng

Người ký: Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
Ngày ký: 26/07/2021 18:03:01
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Giám đốc

Người ký: Nguyễn Thị Tuyết Minh
Ngày ký: 26/07/2021 08:28:35
Chức danh: Phó giám đốc
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh

Nguyễn Thị Tuyết Minh

Mẫu số 07

Mã hiệu:.....

Số: M01/ 210723_1017339_2811012

BẢNG KÊ NỘI DUNG THANH TOÁN/TẠM ỨNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán, Ủy nhiệm chi, Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng số: 210723_1017339_2811011 Năm Ngân sách)

Đơn vị sử dụng Ngân sách: Bệnh viện đa khoa
tỉnh Quảng Ninh
Mã đơn vị: 1017339
Mã nguồn: 01
Mã CTMTQG, Dự án ODA:

Thanh toán trực tiếp ☒
Tạm ứng ☐
Thu hồi tạm ứng ☐

STT	Hóa đơn		Chứng từ		Mã NDKT	Nội dung chi	Số tiền			
	Số	Ngày/tháng/năm	Số	Ngày/tháng/năm			Số lượng	Định mức	Đơn giá thực tế	Thành tiền
1			.DT55	23/07/2021	7001	Rút dự toán nộp vào tài khoản tiền gửi tại kho bạc: Hỗ trợ chi phí xét nghiệm Covid Tháng 2+3+4 năm 2021 theo Hóa đơn số: 35647 ngày 22/07/2021			0	2.914.000
Tổng cộng số tiền bằng số:										2.914.000

Tổng số tiền viết bằng chữ: Hai triệu chín trăm mười bốn nghìn đồng chẵn./.

Trong đó: Số thu hồi tạm ứng.....Số thanh toán :Hai triệu chín trăm mười bốn nghìn đồng chẵn./.

Ngày 23 tháng 07 năm 2021

Kế toán trưởng

Người ký: Nguyễn Thị Vinh
Ngày ký: 23/07/2021 13:23:06
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Thị Vinh

Thủ trưởng đơn vị

Người ký: Trịnh Văn Mạnh
Ngày ký: 23/07/2021 14:56:46
Chức danh: Chủ tịch Bệnh viện
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Trịnh Văn Mạnh

**BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH**

Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh - P. Bạch Đằng - TP. Hạ Long - Quảng Ninh

Điện thoại: 0203.3626.535 - 0203.3825.489

Mã số thuế: 5700391598

Số tài khoản:

Mẫu số: 02GTTT0/001

Ký hiệu: VP/21E

Số: 0035647

HÓA ĐƠN BÁN HÀNG

Ngày 22 tháng 07 năm 2021

Số phiếu: 21795

Số quyền:

Ký hiệu quyền: VPDT_HANG02

Họ tên người mua hàng: -

Tên đơn vị: Bệnh viện đa khoa Tỉnh Quảng Ninh

Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, Phường Bạch Đằng, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Mã số thuế:

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Hỗ trợ chi phí xét nghiệm covid T2+T3+T4				9.755.000

Cộng tiền bán hàng hóa dịch vụ:

9.755.000

Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature Valid

Ký bởi: BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

Ký ngày: 22/07/2021

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI CHỨNG MINH XUẤT XỨ NGUỒN GỐC

Ngày 22 tháng 07 năm 2021

Người chuyển đổi

Hóa đơn điện tử (HĐĐT) được tra cứu trực tuyến tại <https://bvdkgq.vnpt-invoice.com.vn/SearchInvByFkey/index>. Mã tra cứu:

2021072288888880140217

Dinh Chi Văn Hàng

Mẫu số 16a1
Ký hiệu C2-02a/NS

Số: RDT19/ 210810_1017339_2811008
Năm NS: 2021

GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Thực chi ☒ Tạm ứng ☐ Chuyển khoản ☐
Tiền mặt tại KB ☒
Tiền mặt tại NH ☐

Đơn vị rút dự toán: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Tài khoản: 9527.2.1017339

Tại KBNN: VP KBNN Quảng Ninh

Tên CTMT, DA:

Mã CTMT, DA:

Số CKC, HĐK:

Số CKC, HĐH:

Nội dung thanh toán	Mã NDKT	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Rút tiền ăn cho người bị áp dụng biện pháp cách ly tháng 02+03+04/2021	7799	423	132	12	38.080.000
Tổng cộng					38.080.000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Ba mươi tám triệu không trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./.

Đơn vị nhận tiền:

Địa chỉ:

Tài khoản:

Tại KBNN (NH):

Hoặc người nhận tiền: Nguyễn Thị Mai Hương

Số CMND: 031171002574 Cấp ngày: 20/10/2016

Nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư

PHẦN KBNN GHI

Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Nợ TK:
Có TK:
Mã ĐBHC:

Ngày...tháng...năm ...

Người nhận tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 10 tháng 08 năm 2021

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Người ký: Nguyễn Thị Vinh
Ngày ký: 10/08/2021 16:30:57
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Thị Vinh

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Người ký: Trịnh Văn Mạnh
Ngày ký: 10/08/2021 15:50:06
Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Trịnh Văn Mạnh

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 11 tháng 08 năm 2021

Thủ quỹ

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc

Người ký: Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
Ngày ký: 11/08/2021 13:42:38
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Quảng Ninh

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Người ký: Nguyễn Thị Tuyết Minh
Ngày ký: 11/08/2021 13:47:32
Chức danh: Phó giám đốc
Đơn vị: VP KBNN Quảng Ninh

Nguyễn Thị Tuyết Minh

Mẫu số 07

Mã hiệu:.....

Số: M01/ 210810_1017339_2811009

BẢNG KÊ NỘI DUNG THANH TOÁN/TẠM ỨNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán, Ủy nhiệm chi, Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng số: 210810_1017339_2811008 Năm Ngân sách)

Đơn vị sử dụng Ngân sách: Bệnh viện đa khoa
tỉnh Quảng Ninh
Mã đơn vị: 1017339
Mã nguồn: 01
Mã CTMTQG, Dự án ODA:

Thanh toán trực tiếp ☒
Tạm ứng ☐
Thu hồi tạm ứng ☐

STT	Hóa đơn		Chứng từ		Mã NDKT	Nội dung chi	Số tiền			
	Số	Ngày/tháng/năm	Số	Ngày/tháng/năm			Số lượng	Định mức	Đơn giá thực tế	Thành tiền
1			.RDT19	10/08/2021	7799	Rút tiền ăn cho người bị áp dụng biện pháp cách ly tháng 02+03+04/2021	476,00	80.000	80.000	38.080.000
Tổng cộng số tiền bằng số:										38.080.000

Tổng số tiền viết bằng chữ: Ba mươi tám triệu không trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./.

Trong đó: Số thu hồi tạm ứng.....Số thanh toán :Ba mươi tám triệu không trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./.

Kế toán trưởng

Người ký: Nguyễn Thị Vinh
Ngày ký: 10/08/2021 15:30:57
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Thị Vinh

Ngày 10 tháng 08 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

Người ký: Trịnh Văn Mạnh
Ngày ký: 10/08/2021 15:50:05
Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Trịnh Văn Mạnh

Số: 1641 /QĐ-BVT

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 07 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chi tiền ăn cho nhân viên y tế và bệnh nhân trong khu vực khoanh vùng,
cách ly y tế tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh
từ ngày 29/01/2021 đến ngày 04/03/2021

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính Phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 894/QĐ-SYT ngày 04/5/2019 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí, việc làm của công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Y tế Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 151/QĐ-BVT ngày 29/01/2021 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh về việc Khoanh vùng, cách ly khoa Nhi, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 230/QĐ-BVT ngày 18/02/2021 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly y tế;

Căn cứ Quyết định số 238/QĐ-BVT ngày 20/02/2021 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly y tế;

Xét đề nghị của trưởng khoa Dinh dưỡng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chi tiền ăn cho nhân viên y tế và bệnh nhân trong khu vực khoanh vùng, cách ly y tế tại khoa Nhi và khoa Bệnh nhiệt đới của Bệnh viện từ ngày 29/01/2021 đến ngày 04/03/2021 (danh sách chi tiết kèm theo).

Mức chi cụ thể: 80.000 đồng/người/ngày x 476 ngày.

Điều 2. Tổng số tiền chi: 38.080.000 đồng.

(Bằng chữ: Ba mươi tám triệu không trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

Nguồn chi được trích nguồn kinh phí phòng, chống dịch COVID-19.

Điều 3. Các Ông (bà) trong Ban Giám đốc, Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19, trưởng các phòng: TCCB, TCKT, và các ông bà có tên trong danh sách căn cứ quyết định thực hiện././

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, TCCB.



BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

KHOA DINH DƯỠNG

DANH SÁCH CHI TIÊN ĂN CHO NHÂN VIÊN CÁCH LY Y TẾ DO COVID-19 TẠI KHOA NHI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

ngày 29/01/2021 - 01/02/2021

STT	Họ và tên	Chức danh	Số ngày	Tiền ăn ngân sách chi/ngày	Cộng	Ký nhận
1	Nguyễn Thị Lan	P.TK	4	80.000	320.000	Nguyễn Thị Lan
2	Vũ Thị Phương Hoa	P.TK	4	80.000	320.000	Vũ T. P. Hoa
3	Khuông Thị Kim Dung	Bác sỹ	4	80.000	320.000	Khuông T. Kim Dung
4	Nguyễn Thị Dinh	Bác sỹ	4	80.000	320.000	Nguyễn Thị Dinh
5	Hoàng Văn Huân	Bác sỹ	4	80.000	320.000	Hoàng Văn Huân
6	Lê Khắc Hoàng Sơn	Bác sỹ	4	80.000	320.000	Lê Khắc Hoàng Sơn
7	Vũ Xuân Văn	ĐDT	4	80.000	320.000	Vũ Xuân Văn
8	Nguyễn Văn Doanh	Điều dưỡng	4	80.000	320.000	Nguyễn Văn Doanh
9	Đặng Thị Thùy	Điều dưỡng	4	80.000	320.000	Đặng Thị Thùy
10	Phạm Thị Toàn	Điều dưỡng	4	80.000	320.000	Phạm Thị Toàn
11	Nguyễn Thị Thanh	Điều dưỡng	4	80.000	320.000	Nguyễn Thị Thanh
12	Trần Thị Phương	Điều dưỡng	4	80.000	320.000	Trần Thị Phương
13	Lư Quỳnh Nga	Điều dưỡng	4	80.000	320.000	Lư Quỳnh Nga
14	Vũ Thị Yên	Điều dưỡng	4	80.000	320.000	Vũ Thị Yên
15	Trịnh Thị Lan	Điều dưỡng	4	80.000	320.000	Trịnh Thị Lan
16	Nguyễn Thị Tính	Điều dưỡng	4	80.000	320.000	Nguyễn Thị Tính
17	Vũ Thị Hương Ngân	Điều dưỡng	4	80.000	320.000	Vũ Thị Hương Ngân
18	Đoàn Thị Phương Anh	Điều dưỡng	4	80.000	320.000	Đoàn Thị Phương Anh
19	Tô Hồng Nhung	Điều dưỡng	4	80.000	320.000	Tô Hồng Nhung
20	Nguyễn Thị Thúy	Điều dưỡng	4	80.000	320.000	Nguyễn Thị Thúy
21	Nguyễn Thị Minh Huyền	Điều dưỡng	4	80.000	320.000	Nguyễn Thị Minh Huyền

22	Nguyễn Thị Trang	Điều dưỡng	4	80.000	320.000	Nguyễn Thị Trang
23	Nguyễn Thị Quyên	Hoàn mỹ	4	80.000	320.000	Nguyễn Thị Quyên
	Tổng số : 23 người		92	80.000	7.360.000	

(Bằng chữ: Bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn)



Trịnh Văn Mạnh

Trưởng phòng TCKT

Nguyễn Thị Vinh

Trưởng phòng KHTH

Bùi Thị Nguyệt Ánh

Trưởng khoa Dinh dưỡng

Trần Thị Thu Hương

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

DANH SÁCH CHI TIỀN ĂN CHO BỆNH NHÂN CÁCH LY Y TẾ DO COVID-19 TẠI KHOA NHI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

Từ ngày 29/01/2021 - 01/2/2021

ST T	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng		Số ngày	Tiền ăn ngân sách chi/ngày	Cộng	Ký nhận
			Bệnh nhân	Người chăm sóc				
1	Bùi Hoài An	2020	x		4	80.000	320.000	<i>[Signature]</i>
2	Mai Thị Biên	1988		x	4	80.000	320.000	<i>[Signature]</i>
3	Bùi Tú Anh	2018	x		4	80.000	320.000	<i>[Signature]</i>
4	Dinh Thị Bích Thủy	1991		x	4	80.000	320.000	<i>[Signature]</i>
5	Chu Minh Quang	2017	x		4	80.000	320.000	<i>[Signature]</i>
6	Chu Thế Hải	1990		x	4	80.000	320.000	<i>[Signature]</i>
7	Đỗ Bảo An	2019	x		4	80.000	320.000	<i>[Signature]</i>
8	Nguyễn Thu Huyền	1996		x	4	80.000	320.000	<i>[Signature]</i>
9	Đỗ Vũ Hương Giang	2019	x		4	80.000	320.000	<i>[Signature]</i>
10	Trần Thị Hoàn	1952		x	4	80.000	320.000	<i>[Signature]</i>
11	Đoàn Hữu Đạt	2018	x		4	80.000	320.000	<i>[Signature]</i>
12	Nguyễn Thị Thu	1985		x	4	80.000	320.000	<i>[Signature]</i>
13	Đoàn Huy Toàn	2020	x		4	80.000	320.000	<i>[Signature]</i>
14	Hoàng Thị Hồng Thái	1988		x	4	80.000	320.000	<i>[Signature]</i>
15	Hoàng Bạch Dương	2017	x		4	80.000	320.000	<i>[Signature]</i>
16	Hoàng Hoàng Hiệp	1988		x	4	80.000	320.000	<i>[Signature]</i>
17	Tô Thị Phương Anh	1995		x	4	80.000	320.000	<i>[Signature]</i>
18	Hoàng Tâm Anh	2018	x		4	80.000	320.000	<i>[Signature]</i>
19	Vũ Thị Đông	1987		x	4	80.000	320.000	<i>[Signature]</i>
20	Hoàng Tĩnh Vy	2019	x		4	80.000	320.000	<i>[Signature]</i>
21	Lê Thị Hường	1984		x	4	80.000	320.000	<i>[Signature]</i>

ST T	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng		Số ngày	Tiền ăn ngân sách chi/ngày	Cộng	Ký nhận
			Bệnh nhân	Người chăm sóc				
22	Lê Đăng Bảo	2014	x		4	80.000	320.000	Vũ Thị Quý
23	Vũ Thị Quý	1968		x	4	80.000	320.000	Vũ Thị Quý
24	Lê Hạ Thu Sa	2018	x		4	80.000	320.000	Ngô T. Mai Phôi
25	Nguyễn Thị Mai Phương	1986		x	4	80.000	320.000	Ngô T. Mai Phôi
26	Lê Khôi Nguyên	2021	x		4	80.000	320.000	Nguyễn Thị Quý
27	Nguyễn Thị Tươi	1970		x	4	80.000	320.000	Nguyễn Thị Quý
28	Nguyễn Thị Quỳnh	1994		x	4	80.000	320.000	Nguyễn Thị Quý
29	Lê Trọng Minh Khôi	2019	x		4	80.000	320.000	Nguyễn Thị Quý
30	Lê Trọng Hoàng	1984		x	4	80.000	320.000	Nguyễn Thị Quý
31	Ngô Khôi Nguyên	2018	x		4	80.000	320.000	Ngô Thành Đạt
32	Ngô Thành Đạt	1994		x	4	80.000	320.000	Ngô Thành Đạt
33	Nguyễn An Dương	2021	x		4	80.000	320.000	Thủy
34	Trần Thị Thanh Mai	1991		x	4	80.000	320.000	Nguyễn Thị Quý
35	Nguyễn Thị Thúy	1986		x	4	80.000	320.000	Nguyễn Thị Quý
36	Nguyễn Bá Anh Duy	2019	x		4	80.000	320.000	Bùi Thị Thu
37	Bùi Thị Thu	1982		x	4	80.000	320.000	Bùi Thị Thu
38	Nguyễn Cát Tường Vy	2020	x		4	80.000	320.000	Đinh Thị Liên
39	Đinh Thị Liên	1989		x	4	80.000	320.000	Đinh Thị Liên
40	Nguyễn Chí Dũng	2020	x		4	80.000	320.000	Đinh Thị Quý
41	Đinh Thị Quỳnh Dương	1986		x	4	80.000	320.000	Đinh Thị Quý
42	Nguyễn Đăng Khoa	2015	x		4	80.000	320.000	Thủy
43	Nguyễn Quyết Thắng	1985		x	4	80.000	320.000	Nguyễn Quyết Thắng
44	Nguyễn Hải Phong	2020	x		4	80.000	320.000	Lưu Thị Ngân
45	Lưu Thị Ngân	1984		x	4	80.000	320.000	Lưu Thị Ngân
46	Nguyễn Hữu Gia Bảo	2020	x		4	80.000	320.000	Hoàng Thị Quý

ST T	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng		Số ngày	Tiền ăn ngân sách chi/ngày	Cộng	Ký nhận
			Bệnh nhân	Người chăm sóc				
47	Hoàng Thị Nhung	1992		x	4	80.000	320.000	Hoàng Thị Nhung
48	Nguyễn Lê Nhật Phong	2020	x		4	80.000	320.000	Nguyễn Lê Nhật Phong
49	Trần Thị Hải	1953		x	4	80.000	320.000	Trần Thị Hải
50	Nguyễn Minh Khang	2020	x		4	80.000	320.000	Nguyễn Minh Khang
51	Vũ Thị Nhung	1989		x	4	80.000	320.000	Vũ Thị Nhung
52	Nguyễn Ngọc Thiên An	2018	x		4	80.000	320.000	Nguyễn Ngọc Thiên An
53	Nguyễn Thị Lan	1958		x	4	80.000	320.000	Nguyễn Thị Lan
54	Nguyễn Phương Thảo	2012	x		4	80.000	320.000	Nguyễn Phương Thảo
55	Nguyễn Thu Trà	2002		x	4	80.000	320.000	Nguyễn Thu Trà
56	Phạm Đức Duy	2020	x		4	80.000	320.000	Phạm Đức Duy
57	Phạm Thị Thêu	1988		x	4	80.000	320.000	Phạm Thị Thêu
58	Trần Bảo Ngọc	2017	x		4	80.000	320.000	Trần Bảo Ngọc
59	Bùi Phương Thảo	1990		x	4	80.000	320.000	Bùi Phương Thảo
60	Trần Hải Hoàng Nam	2019	x		4	80.000	320.000	Trần Hải Hoàng Nam
61	Trần Mạnh Huệ	1990		x	4	80.000	320.000	Trần Mạnh Huệ
62	Vũ Thị Hiền	1990		x	4	80.000	320.000	Vũ Thị Hiền
63	Trần Hoàng Phúc	2018	x		4	80.000	320.000	Trần Hoàng Phúc
64	Nguyễn Thị Thu	1971		x	4	80.000	320.000	Nguyễn Thị Thu
65	Trần Ngọc Anh	2021	x		4	80.000	320.000	Trần Ngọc Anh
66	Phạm Thị Ngọc	2000		x	4	80.000	320.000	Phạm Thị Ngọc
67	Đặng Thị Ngân	1979		x	4	80.000	320.000	Đặng Thị Ngân
68	Trần Ngọc Kim Ngân	2019	x		4	80.000	320.000	Trần Ngọc Kim Ngân
69	Phạm Thị Ngọc	1993		x	4	80.000	320.000	Phạm Thị Ngọc
70	Trần Hà Khánh Ngọc	2000	x		4	80.000	320.000	Trần Hà Khánh Ngọc
71	Hà Thị Nhung	1984		x	4	80.000	320.000	Hà Thị Nhung

ST T	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng		Số ngày	Tiền ăn ngân sách chi/ngày	Cộng	Ký nhận
			Bệnh nhân	Người chăm sóc				
72	Trịnh Thanh Bình	2021	x		4	80.000	320.000	Nhinh
73	Nguyễn Thị Ninh	1991		x	4	80.000	320.000	Nhinh
74	Trịnh Công Tới	1987		x	4	80.000	320.000	Nhinh
75	Trần Nguyễn Hoàng Dương	2020	x		4	80.000	320.000	Ngô Thu Huyền
76	Trần Tuấn Long	1986		x	4	80.000	320.000	Ngô Thu Huyền
77	Nguyễn Thu Huyền	1995		x	4	80.000	320.000	Ngô Thu Huyền
78	Vũ Văn Nhật	2020	x		4	80.000	320.000	Vũ Văn Nhật
79	Lê Thị Hương	1989		x	4	80.000	320.000	Vũ Văn Nhật
80	Vũ Văn Huỳnh	1980		x	4	80.000	320.000	Vũ Văn Nhật
81	Lê Minh Khang	2020	x		4	80.000	320.000	Ngô Thị Thúy
82	Nguyễn Thị Thúy	1992		x	4	80.000	320.000	Nguyễn Thị Thúy
83	Nguyễn Thúy Nga	2019	x		4	80.000	320.000	Hoàng Ngọc Lan
84	Hoàng Ngọc Lan	1988		x	4	80.000	320.000	Hoàng Ngọc Lan
85	Vũ Thái Long	2019	x		4	80.000	320.000	- Trần Thị Lệ
86	Trần Thị Lệ	1997	x	x	4	80.000	320.000	- Trần Thị Lệ
87	Phạm Bảo Nhi	2019	x		4	80.000	320.000	Phạm Anh Lý
88	Phạm Anh Lý	1992	x		4	80.000	320.000	Phạm Anh Lý
89	Nguyễn Thị Vân Anh	1992		x	4	80.000	320.000	Phạm Anh Lý
90	Đặng Quỳnh Trâm	2013	x		4	80.000	320.000	Ngô Thị
91	Nguyễn Thị Hương	1981		x	4	80.000	320.000	Ngô Thị
	Tổng số: 91 người				364	80.000	29.120.000	

(Bảng chữ: Hai mươi chín triệu một trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).



Trịnh Văn Mạnh

Trưởng phòng TCKT

Nguyễn Thị Vinh

Trưởng phòng KHTH

Bùi Thị Nguyệt Ánh

Trưởng khoa Dinh dưỡng

Trần Thị Thu Hương

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH
KHOA DINH DƯỠNG

DANH SÁCH THANH TOÁN TIỀN ĂN NHÂN VIÊN Y TẾ CÁCH LY Y TẾ DO COVID 19

Từ ngày 01 tháng 3 đến ngày 4 tháng 3 năm 2021

STT	Họ tên NVYT	Số ngày cách ly	Số tiền/ngày	Cộng
1	ĐỒNG VĂN TÔ	4	80.000	320.000
2	ĐỒNG QUYẾT CHIẾN	4	80.000	320.000
3	HOÀNG THỊ PHƯƠNG THẢO	4	80.000	320.000
4	CHU TUẤN THÀNH	4	80.000	320.000
5	NGUYỄN XUÂN THANH	4	80.000	320.000
	Tổng số: 05 người	20	80.000	1.600.000

(Bằng chữ: Một triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn)



Trịnh Văn Mạnh

Trưởng phòng TCKT

Nguyễn Thị Vinh

TK Dinh dưỡng

Trần Thị Thu Hương

Lập bảng

Giang Thị Hải